



Cơ chế quản lí tài chính và chia sẻ lợi ích liên quan đến chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải tại 54 quốc gia trên thế giới

Phạm Thu Thủy
Nguyễn Thị Vân Anh
Nguyễn Thị Thủy Anh
Trần Ngọc Mỹ Hoa
Đào Thị Linh Chi
Hoàng Tuấn Long



RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Cơ chế quản lí tài chính và chia sẻ lợi ích liên quan đến chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải tại 54 quốc gia trên thế giới

Phạm Thu Thủy
CIFOR

Nguyễn Thị Vân Anh
VNU - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn

Nguyễn Thị Thủy Anh
Học viện Ngoại giao

Trần Ngọc Mỹ Hoa
Đại học Quốc Gia

Đào Thị Linh Chi
CIFOR

Hoàng Tuấn Long
CIFOR

Báo cáo chuyên đề 220

© 2021 Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phát sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

ISBN: 978-602-387-155-1

DOI: 10.17528/cifor/007991

Phạm TT, Nguyễn TVA, Nguyễn TTA, Trần NMH, Đào TLC và Hoàng TL. 2021. *Cơ chế quản lý tài chính và chia sẻ lợi ích liên quan đến chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải tại 54 quốc gia trên thế giới*. Báo cáo chuyên đề 220. Bogor, Indonesia: CIFOR.

Ảnh được chụp bởi Ollivier Girard/CIFOR.

Ảnh chân dung của trẻ em tại làng Minwoho, Leike, Miền Trung Cameroon.

CIFOR
Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia

T +62 (251) 8622-622

F +62 (251) 8622-100

E cifor@cgiar.org

cifor.org

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <http://www.cgiar.org/about-us/our-funders/>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

Mục lục

Danh mục từ viết tắt	v
Lời cảm ơn	vi
Tóm tắt tổng quan	vii
1 Giới thiệu mở đầu	1
2 Khung phân tích và Phương pháp nghiên cứu	2
2.1 Khung phân tích	2
2.2 Phương pháp nghiên cứu	2
3 Quy định quốc tế về chia sẻ lợi ích	3
4 Chi phí và lợi ích để thực hiện chương trình giảm phát thải	4
4.1 Chi phí	4
4.2 Lợi ích	5
5 Ai là người thụ hưởng ? Chương trình/chính sách nên trả cho ai ?	6
6 Cơ cấu tổ chức quản lý tài chính và chia sẻ lợi ích	7
6.1 Cơ cấu tổ chức quản lý tài chính	7
6.2 Cơ chế chia sẻ lợi ích	7
7 Các biện pháp đảm bảo an toàn	29
8 Thảo luận và đề xuất	31
9 Tài liệu tham khảo	33

Danh mục bảng và hình

Bảng

1	Chi phí của các chương trình giảm phát thải	4
2	Chi tiết về cơ chế quản lý tài chính ERPA của các nước	9
3	Cơ chế chia sẻ lợi ích của các nước đã ký ERPA	14
4	Các tiêu chí đánh giá xã hội	15
5	Các chỉ số ER và trọng số tương ứng	15
6	Ước tính sơ bộ về cơ chế chia sẻ lợi ích	17
7	Các loại hỗ trợ cho từng đối tượng thụ hưởng	20
8	Chia sẻ lợi ích của các nước đang trong giai đoạn ERPD	25
9	Nguyên tắc cho việc thiết kế cơ chế chia sẻ lợi ích	31

Hình

1	Cách thức vận hành cơ chế quản lý tài chính của 12 nước kí ERPA	8
2	Phương thức quản lý tài chính từ các nguồn song phương, đa phương, Quỹ đầu tư, thị trường Carbon tại Brazil, Cambodia, DRC, Indonesia, Madagascar và Peru	9

Danh mục từ viết tắt

BLU	Cơ quan Quản lý Quỹ Môi trường
CONAF	Tập đoàn lâm nghiệp quốc gia
CREF	Hợp đồng Tài khoản Cơ chế Giảm phát thải từ Rừng
CSOs	Các tổ chức Xã hội Dân sự
DFO	Văn phòng Lâm nghiệp
EPA	Cơ quan hành chính công
ER	Giảm phát thải
ERP	Chương trình giảm phát thải
ERPA	Thỏa thuận Chi trả Giảm phát thải
FCPF	Quỹ đối tác Các-bon trong lâm nghiệp
FDF	Quỹ Phát triển Rừng
FLEGT	Tăng cường thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và buôn bán gỗ
FONAFIFO	Quỹ Tài trợ Rừng Quốc gia
FONAREDD	Quỹ REDD+
FPRCI	Quỹ Công viên và Khu bảo tồn Côte d'Ivoire
FREL/FRL	Mức phát thải tham chiếu của rừng / mức tham chiếu của rừng
FUNBAM	Quỹ Ngân hàng Môi trường
GEF	Quỹ môi trường toàn cầu
HIA	Điểm nóng can thiệp
INFOR	Viện Lâm nghiệp
MEF	Bộ Kinh tế và Tài chính
MOE	Bộ Kinh tế
MoEF	Bộ Kinh tế - Tài chính
MPTFO	Văn phòng Quỹ Ủy Thác đa bên của Liên Hợp Quốc
MRV	Hệ thống Giám sát, Báo cáo và Xác minh
NpA	Hiệp hội phi lợi nhuận
PES	Chương trình Chi trả Dịch vụ Môi trường

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn hỗ trợ tài chính từ các nhà tài trợ bao gồm Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD), Cơ quan phát triển Mỹ (USAID) thông qua dự án Quản lý giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu đối với các vùng đất ngập nước (SWAMP) và Chương trình nghiên cứu CGIAR về rừng, cây và nông lâm kết hợp (CRP-FTA), đã hỗ trợ nghiên cứu này.

Tóm tắt tổng quan

Xây dựng cơ chế quản lý tài chính và chia sẻ lợi ích hiệu quả, hiệu ích và công bằng là điều kiện quan trọng để các quốc gia và dự án nhận được chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải. Tuy nhiên, nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn và thách thức trong việc thiết kế và thực hiện hai cơ chế quan trọng này. Báo cáo này trình bày ngắn gọn các yêu cầu và khung quy định quốc tế mà các quốc gia phải tuân theo khi thiết kế cơ chế chi trả và rà soát kinh nghiệm của 54 quốc gia trên thế giới trong việc hiện thực hóa các quy định này trong bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường riêng biệt của mình. Báo cáo hi vọng sẽ cung cấp một góc nhìn toàn cảnh cũng như bài học để các quốc gia hiện đang hoàn thiện cơ chế chia sẻ lợi ích có thể tham khảo và áp dụng.

Báo cáo chỉ ra rằng, khi xây dựng chính sách và cơ chế chia sẻ lợi ích, các nhà hoạch định chính sách trên toàn cầu thường đặt ra 4 câu hỏi chính: Chi phí và lợi ích để thực hiện cơ chế này là gì? Ai là người thụ hưởng? Cơ cấu tổ chức thế nào? (quy mô, loại hình tài chính) và lợi ích sẽ được phân bổ ra sao (tiêu chí chi trả/phân bổ lợi ích, các bước chi trả, thời gian và tần suất chi trả); và các biện pháp đảm bảo an toàn sẽ được thiết kế ra sao để hỗ trợ quá trình chia sẻ lợi ích (ví dụ như đảm bảo minh bạch thông tin và có sự tham gia của người dân).

Chi phí là lợi ích. Báo cáo cho thấy, trong khi các chương trình dự án chỉ phần lớn tập trung vào phân chia lợi ích, không có quốc gia nào xem xét và đánh giá đầy đủ cả 4 loại chi phí: (i) chi phí thực hiện (ví dụ: chi phí cho việc giám sát, đánh giá, xây dựng chính sách mới, đào tạo nhân lực, chi trả tiền lương, đi lại); (ii) chi phí giao dịch (chi phí có liên quan đến việc tiến hành các giao dịch thương mại ví dụ chi phí để kí hợp đồng, bán tín chỉ Các-bon trên thế giới, hợp hành

thương thảo giữa người mua và người bán); (iii) chi phí cơ hội (lợi ích và thiệt hại kinh tế khi thay thế một loại hình sử dụng đất. Chi phí cơ hội có thể được tính trên mỗi tấn Các-bon tạo ra hoặc trên mỗi ha đất hoặc trên mỗi một đối tượng tham gia vào cơ chế chi trả) và (iv) chi phí xã hội (chi phí xã hội phải bỏ ra để thực hiện chương trình) khi thiết kế hệ thống chia sẻ lợi ích của mình. Có thể nói tất cả các chương trình hay chính sách chia sẻ lợi ích cho tới nay mới chỉ áp dụng tỉ lệ % (từ 4% - 25%) để đề cập đến chi phí thực hiện và quản lý chương trình. Tuy các quốc gia đều xem xét tới chi phí cơ hội nhưng lại không dùng thông số này để thiết kế mức chi trả cho phù hợp, bởi chi phí cơ hội thường cao hơn rất nhiều so với mức chi trả mà chương trình giảm phát thải có thể đáp ứng. Cả chi phí và lợi ích liên quan đến việc thực hiện chính sách và hoạt động giảm phát thải và cơ chế chia sẻ lợi ích cần được phân tích để hiểu rõ cả tác động tích cực và tiêu cực đối với các chủ thể và người hưởng lợi; từ đó xây dựng cơ chế tối đa hóa các tác động tích cực và giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực.

Ai là người thụ hưởng? Kết quả nghiên cứu cho thấy hiện nay các quốc gia đang áp dụng chi trả cho một tổ hợp nhiều nhóm người hưởng thụ bao gồm: (i) những người có quyền hợp pháp (dù theo luật định hay theo tập quán) đối với những lợi ích phát sinh từ rừng và dịch vụ môi trường rừng; (ii) các bên quản lý rừng thực hiện các hoạt động phát thải thấp; (iii) các bên hỗ trợ thực hiện hiệu quả các hoạt động giảm phát thải (ví dụ các bên trung gian, người kết nối thị trường, chương trình dự án, NGOs, các cơ quan chính phủ ở các cấp); (iv) nhóm người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương để đảm bảo những tác động xã hội tích cực mà chương trình đem lại, và (v) Chính phủ và dự án phân bổ các lợi ích REDD+ để bù đắp cho các bên vì thực hiện các hoạt động giảm phát thải mà phải chịu nhiều loại chi phí và thiệt hại.

Cơ cấu quản lý tài chính và chia sẻ lợi ích. 58.3% các quốc gia đã nhận được ERPA coi tiền thanh toán từ chi trả giảm phát thải là nguồn thu của ngân sách nhà nước và chuyển tới một Bộ Ngành cụ thể để quản lý. 58.3% chọn mô hình chuyển tiền tới Quỹ Ủy Thác môi trường độc lập (có thể đặt trụ sở ở trong hoặc ngoài nước). Các nước không tham gia vào ERPA nhưng kí thỏa thuận song phương với Na Uy hay các nhà tài trợ khác cũng có xu thế chung khi quản lý nguồn thu từ việc bán Các-bon bằng 4 mô hình: (i) Chuyển tới Quỹ môi trường thác được quản lý ở cấp quốc (có thể trong và ngoài nước), (ii) Chuyển tới bên trung gian thị trường và NGO; (iii) Chuyển tới ngân sách nhà nước và các bộ ngành; (iv) Chuyển tới Quỹ môi trường tại cấp khu vực và cấp tỉnh.

Báo cáo chỉ ra rằng, 5 yếu tố ảnh hưởng chính tới quyết định của quốc gia trong việc lựa chọn phương thức quản lý tài chính và chia sẻ lợi ích là: (i) khoản thu là lớn là nhỏ; (ii) quy định của nhà tài trợ; (iii) khuôn khổ pháp lý quốc gia về quản lý tài chính từ nguồn thu nước ngoài và (iv) năng lực quản lý tài chính hiện có của các bên có liên quan; (v) ý kiến và sự đồng thuận của các bên có liên quan. Ngoài ra, 12 quốc gia đã kí ERPA, 6 quốc gia đang ở giai đoạn ERPD và 2 quốc gia đã nhận được chi trả song phương từ Na Uy có sự tương đồng cao về tiêu chí đánh giá xác thực một bên có đủ điều kiện nhận được tiền chi trả hay không. Cụ thể hơn, các tiêu chí này bao gồm các hoạt động đóng góp vào giảm phát thải (chỉ tiêu môi trường); đóng góp vào đảm bảo tác động tích cực đối với xã hội (chỉ tiêu xã hội) và hoàn thành trách nhiệm của các bên quản lý và trung gian. Tuy nhiên, mỗi quốc gia lại có cách tiếp cận riêng trong việc áp dụng các tiêu chí này riêng lẻ hoặc kết hợp. Mặc dù tần suất chi trả được coi là vấn đề thiết yếu trong cơ chế chia sẻ lợi ích, các quốc gia đều không cụ thể hóa điều này trong các văn kiện dự án hay chính sách cụ thể về chia sẻ lợi ích mà phần lớn dựa trên kết quả của quá trình tham vấn và thương thảo với các bên có liên quan. Ngoài ra, tuy cùng phải thực hiện các yêu cầu quốc tế giống nhau, một số quốc gia (Costa Rica) đã có hệ thống chia sẻ lợi ích với tính năng khác biệt lớn bao gồm làm rõ hoạt động nào, ở

đâu, được phép và không được phép đồng thời đa dạng hóa nhiều hình thức chuyển tiền cho nhiều đối tượng.

Các biện pháp đảm bảo an toàn. Cơ chế chia sẻ lợi ích cũng như các biện pháp bảo đảm an toàn phải phù hợp với bối cảnh quốc gia và phải được xây dựng dựa trên đánh giá rủi ro để thiết lập mức độ ưu tiên, xem xét dữ liệu hiện có (và có thể truy cập được), năng lực của các bên có liên quan và thể chế hiện hành. Các quốc gia cũng hiện đang phải đối mặt với 3 thách thức lớn trong việc liên kết cơ chế chia sẻ lợi ích với hệ thống thông tin về biện pháp bảo đảm an toàn, bao gồm (i) hạn chế cả nguồn lực tài chính lẫn nguồn lực con người, (ii) sự chồng chéo giữa các tiêu chuẩn về biện pháp bảo đảm an toàn; (iii) bình đẳng giới vẫn tiếp tục là một vấn đề bị xem nhẹ. Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy một số quốc gia đã có những sáng kiến được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, đặc biệt trong việc đảm bảo và nâng cao tác động của vấn đề xã hội và công bằng như Costa Rica khi xây dựng cơ chế hưởng lợi riêng cho những người không có chứng nhận quyền sử dụng đất hay Guatemala trong việc áp dụng tiêu chí đoàn kết (một tỉnh trong khu vực có hiện tượng giảm phát thải thì toàn bộ các tỉnh lân cận phải cùng chịu trách nhiệm) để giảm thiểu tối đa rủi ro dịch chuyển phát thải.

Để đảm bảo cơ chế chia sẻ lợi ích được thành công, cơ chế này cần phản ánh tiếng nói và lợi ích đầy đủ của các bên liên quan và phải phù hợp với bối cảnh cụ thể của quốc gia / địa phương. Các chính sách và dự án REDD+ cũng như cơ chế chia sẻ lợi ích không hoạt động riêng lẻ mà được vận hành cùng một lúc và song song với nhiều chương trình chính trị, kinh tế, môi trường và xã hội khác và do vậy cần phải hài hòa hóa với các chính sách này. Tuy Việt Nam không thể áp dụng tất cả mô hình chia sẻ lợi ích mà các quốc gia khác đang áp dụng, bài học kinh nghiệm từ các nước này đã chỉ ra một số nguyên tắc hướng dẫn chính có thể giúp Việt Nam hoàn thiện cơ chế chia sẻ lợi ích.

1 Giới thiệu mở đầu

Trước áp lực và ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, 197 quốc gia trên toàn cầu đã tham gia kí kết vào Thỏa thuận Paris (trong đó có Việt Nam) và cam kết thực hiện các chính sách để giảm phát thải. Cũng để hỗ trợ các quốc gia đang phát triển thực hiện cam kết quốc gia tự nguyện (NDC), nhiều sáng kiến tài chính đã được xây dựng nhằm tạo động lực kinh tế cho việc giảm phát thải, trong đó nổi bật nhất hiện nay là chi trả dựa vào kết quả. Mặc dù đã có nhiều thí điểm từ năm 2009 cho tới nay, chi trả dựa vào kết quả chưa được thực hiện rộng rãi trên thế giới. Kết quả nghiên cứu 10 năm trên toàn cầu của Tổ chức nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế (CIFOR) cho thấy, một trong những thách thức lớn cản trở quá trình thực hiện chi trả dựa vào kết quả là sau khi nhận được tiền chi trả cho phát thải, nguồn

tiền sẽ được quản lí ra sao và cơ chế chia sẻ lợi ích (trả cho cái gì, trả bao nhiêu, trả bằng hình thức nào, trả cho ai) sẽ được tổ chức như thế nào (Angelsen và cộng sự 2018).

Báo cáo này được thực hiện bởi CIFOR nhằm rà soát và cung cấp kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới trong việc thiết lập cơ chế quản lí tài chính và chia sẻ lợi ích liên quan đến các giao dịch thương mại giảm phát thải dựa vào kết quả cũng như các chương trình chính sách REDD+ quốc gia. Báo cáo hi vọng sẽ cung cấp các thông tin đầu vào cho các nhà hoạch định chính sách, các bên thực hiện dự án trong và ngoài nước trong quá trình xây dựng hệ thống quản lí tài chính và phân bổ lợi ích cho các dự án giảm phát thải sắp tới.

2 Khung phân tích và Phương pháp nghiên cứu

2.1 Khung phân tích

Trong thực tế, luật pháp của các quốc gia trên thế giới khi thực hiện chương trình giảm phát thải và chương trình giảm phá rừng và suy thoái rừng (REDD+) áp dụng các định nghĩa khác nhau về chia sẻ lợi ích. Tuy nhiên, báo cáo này áp dụng định nghĩa phần lớn các quốc gia, các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ trên toàn cầu đang sử dụng. Trong các trường hợp này, chia sẻ lợi ích được hiểu là một cơ chế **phân phối lợi nhuận ròng** trực tiếp và gián tiếp từ việc thực hiện giảm phát thải (Luttrell và cộng sự 2013; Phạm và cộng sự 2013). Lợi nhuận ròng đóng vai trò quan trọng trong cơ chế chia sẻ lợi ích bởi việc thực hiện giảm phát thải có thể giúp các quốc gia nhận được chi trả nhưng họ cũng phải tốn kém bỏ ra các loại chi phí khác nhau: (i) chi phí thực hiện; (ii) chi phí giao dịch; (iii) chi phí cơ hội và (iv) chi phí xã hội (Phạm và cộng sự 2013). Nếu chi phí cao hơn lợi ích, các nhà cung cấp dịch vụ môi trường sẽ không sẵn sàng tham gia cơ chế giảm phát thải.

Khi xây dựng chính sách và cơ chế chia sẻ lợi ích, các nhà hoạch định chính sách trên toàn cầu thường đặt ra 4 câu hỏi chính:

- Chi phí và lợi ích để thực hiện cơ chế này là gì ?
- Ai là người thụ hưởng ? Chương trình/chính sách nên trả cho ai ?
- Cơ cấu tổ chức thế nào ? (quy mô, loại hình tài chính) và lợi ích sẽ được phân bổ ra sao (tiêu chí chi trả/phân bổ lợi ích, quá trình, thời gian và tần suất chi trả);

- Các biện pháp đảm bảo an toàn sẽ được thiết kế như thế nào để hỗ trợ quá trình chia sẻ lợi ích? (ví dụ như đảm bảo minh bạch thông tin và có sự tham gia của người dân)

Để trả lời cho những câu hỏi này cần có một quá trình ra quyết định có sự tham gia của người dân, có thể tốn nhiều thời gian và chi phí.

Trong khuôn khổ của báo cáo này, nhóm tác giả áp dụng khung phân tích sử dụng 4 câu hỏi trên để tiến hành nghiên cứu.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Báo cáo này được thực hiện dựa trên việc rà soát tài liệu thứ cấp. Nhóm nghiên cứu rà soát các quy định quốc tế về chia sẻ lợi ích cũng như các báo cáo khoa học, báo cáo của các quốc gia đã thực hiện chi trả dựa vào kết quả. Cụ thể hơn, nhóm tác giả đã rà soát chính sách và văn kiện dự án của 54 quốc gia (47 quốc gia đang thực hiện FCPF; 2 quốc gia đã nhận chi trả dựa vào kết quả của Na Uy (Brazil và Guyana), và 14 quốc gia bao gồm Bolivia, Brazil, Burkina Faso, Cameroon, Democratic Republic of the Congo, Indonesia, Lao PDR, Mozambique, Nepal, Papua New Guinea, Peru, Tanzania, Ivory Coast và Việt Nam trong khuôn khổ dự án Chương trình Nghiên cứu so sánh toàn cầu về REDD+ mà CIFOR thực hiện trong giai đoạn 2009-2020.

3 Quy định quốc tế về chia sẻ lợi ích

Các quốc gia có thể áp dụng nhiều quy định và hiệp ước quốc tế trong quá trình xây dựng chính sách chia sẻ lợi ích của mình. Tuy nhiên, các quy định quốc tế then chốt mà mọi quốc gia đều phải xem xét và theo bao gồm:

- **Thỏa thuận Paris** yêu cầu các quốc gia đều phải quan tâm đến việc đảm bảo đồng lợi ích, thúc đẩy cả lợi ích Các-bon lẫn lợi ích phi Các-bon đảm bảo hài hòa hóa giữa thực hiện các chính sách biến đổi khí hậu song hành với xóa đói giảm nghèo, tiếp cận tài nguyên công bằng, đảm bảo quá trình ra quyết định phải có sự tham gia của các bên có liên quan
- **Các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun**, tại COP16 ở Cancun, 07 biện pháp bảo đảm an toàn đã được nêu rõ cho các quốc gia thực hiện bao gồm (a) đảm bảo các can thiệp bổ sung phải phù hợp với các mục tiêu của các chương trình lâm nghiệp quốc gia và các công ước và thỏa thuận quốc tế có liên quan; (b) Cơ cấu quản trị rừng quốc gia minh bạch và hiệu quả, có tính đến luật pháp và chủ quyền quốc gia; (c) Tôn trọng kiến thức, quyền của người dân bản địa và các thành viên của cộng đồng địa phương, đồng thời lưu ý rằng Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa; (d) Sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, đặc biệt là người dân bản địa và cộng đồng địa phương; (e) Các hành động đó phù hợp với việc bảo tồn rừng tự nhiên và đa dạng sinh học, không được sử dụng để chuyển đổi rừng tự nhiên, mà được sử dụng để khuyến khích bảo vệ và bảo tồn rừng tự nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái rừng, đồng thời nâng cao các lợi ích xã hội và môi trường khác; (f) Các hành động để giải quyết rủi ro; (g) Các hành động để giảm sự dịch chuyển của khí thải. Mục đích của các biện pháp bảo đảm an toàn này là phòng tránh việc REDD+ gây hại cho người dân địa phương và môi trường, và để xác minh rằng các thể chế mới được áp dụng theo REDD+ là bổ sung cho các chính sách

phát triển và môi trường khác. Để đủ điều kiện nhận bồi thường dựa trên kết quả, các quốc gia REDD+ phải phát triển các Hệ thống Thông tin các biện pháp đảm bảo an toàn (SIS) cấp quốc gia theo dõi và thường xuyên báo cáo về tác động xã hội và môi trường của REDD+.

- **Yêu cầu của các nhà tài trợ.** Các nhà tài trợ hoặc các dự án tư nhân hướng tới giảm phát thải đều có những tiêu chuẩn đánh giá riêng của mình. Ví dụ: Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội REDD+ (REDD+ SES), Sáng kiến do Liên minh Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học dẫn đầu (CCBA), CARE quốc tế và Ngân hàng Thế giới đều xây dựng hệ thống chuẩn mực và tiêu chuẩn đánh giá cho các biện pháp đảm bảo an toàn của riêng mình.

Ngoài các quy định quốc tế kể trên, các quốc gia nghiên cứu đều để cập một hoặc một tổ hợp các công ước quốc tế sau:

- Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của Những người bản xứ
- Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc
- Công ước đa dạng sinh học, trong đó có phần yêu cầu về các lợi ích được tạo ra từ nguồn tài nguyên thiên nhiên phải được chia sẻ
- Công ước Liên hợp quốc về Chống Sa mạc hóa, trong đó đảm bảo đạt được mục tiêu phát triển bền vững bao gồm xóa đói, giảm nghèo, bình đẳng giới và công bằng trong cách quản lí tài nguyên
- Công ước đất ngập nước (Ramsar) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chia sẻ lợi ích công bằng
- Công ước quốc tế về kinh tế, quyền Văn hóa và Xã hội
- Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ
- Công ước ILO (Tổ chức lao động quốc tế) số 169
- Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền

4 Chi phí và lợi ích để thực hiện chương trình giảm phát thải

4.1 Chi phí

Như đã trình bày ở phần trên, khi thực hiện bất cứ chương trình chia sẻ lợi ích nào cần tính toán đầy đủ cả chi phí và lợi ích từ việc thực hiện chương trình giảm phát thải.

Kết quả rà soát tài liệu thứ cấp cho thấy không có quốc gia nào xem xét và đánh giá đầy đủ cả 4 loại chi phí: (i) chi phí thực hiện (ví dụ: chi phí cho việc giám sát, đánh giá, xây dựng chính sách mới, đào tạo nhân lực, chi trả tiền lương, đi lại); (ii) chi phí giao dịch (chi phí có liên quan đến việc tiến hành các giao dịch thương mại ví dụ chi phí để ký hợp đồng, bán tín chỉ Các-bon trên thế

giới, hợp hành thương thảo giữa người mua và người bán); (iii) chi phí cơ hội (lợi ích và thiệt hại kinh tế khi thay thế một loại hình sử dụng đất. Chi phí cơ hội có thể được tính trên mỗi tấn Các-bon tạo ra, hoặc trên mỗi ha đất hoặc trên mỗi một đối tượng tham gia vào cơ chế chi trả) và (iv) chi phí xã hội (chi phí xã hội phải bỏ ra để thực hiện chương trình) khi thiết kế hệ thống chia sẻ lợi ích của mình.

Có thể nói tất cả các chương trình hay chính sách chia sẻ lợi ích cho tới nay mới chỉ áp dụng tỉ lệ % (từ 4% - 25%) để đề cập đến chi phí thực hiện và quản lý chương trình.

Bảng 1. Chi phí của các chương trình giảm phát thải

Nguồn	Nội dung
Phan và cộng sự (2014)	Chi phí cơ hội trung bình cho REDD+ ở các nước châu Phi là \$ 20,86 /tCO ₂ e năm 2014
Rakatama và cộng sự (2016)	Chi phí cơ hội trung bình cho REDD+ ở các nước châu Phi là \$13,68/tCO ₂ e
Yang & Li (2018)	Chi phí cơ hội trung bình cho REDD+ ở các nước châu Phi \$ 19,49 / tCO ₂ e
Ickowitz và cộng sự (2017)	<ul style="list-style-type: none">Chi phí giảm phát thải và chi phí cơ hội của việc phá rừng là không đồng nhất và thậm chí có thể khác nhau đáng kể trong cùng một quốc gia.Trong khi nguyên nhân gây ra sự biến động cao về chi phí cơ hội là do thay đổi liên quan đến thu nhập từ các hoạt động sản xuất hiện tại, thì giá thành và số lượng dịch vụ môi trường thuộc vào yếu tố thị trường và các yếu tố sinh thái. Đối với một số khu vực địa lý có tiềm năng tạo ra các-bon tương đối hạn chế do đặc điểm sinh thái địa phương, ngay cả khi các cơ hội thu nhập bị bỏ qua là thấp, thì chi phí cơ hội tổng thể của REDD+ cũng vẫn sẽ cao.Ước tính chi phí cơ hội của các hộ nông dân nhỏ trong chương trình REDD+ tại 17 địa điểm ở sáu quốc gia trên khắp vùng nhiệt đới chỉ ra rằng chi phí cơ hội cho mỗi tCO₂ phát thải từ việc phá rừng thấp hơn chi phí xã hội của phát thải tCO₂ (36 đô la) ở 16 trong số 17 địa điểm. Chỉ có 6/17 điểm có chi phí cơ hội thấp hơn giá tín chỉ Các-bon trên thị trường tự nguyện được công bố trên website năm 2015 cho tCO₂ (\$ 3,30).
Merger và các cộng sự (2012)	Nghiên cứu chi phí thực hiện cho 3 dự án REDD+ tại Indonesia cho thấy chi phí thực hiện thường bằng 44% - 98% chi phí cơ hội cho việc thực hiện giảm phát thải tại 1 hectare rừng và các chi phí giao dịch thường bằng 2-11% chi phí giao dịch

Tuy các quốc gia đều xem xét tới chi phí cơ hội nhưng lại không dùng thông số này để thiết kế mức chi trả cho phù hợp, bởi chi phí cơ hội thường cao hơn rất nhiều so với mức chi trả mà chương trình giảm phát thải có thể đáp ứng. Ngoài ra, chỉ có một số ít các nghiên cứu trên toàn cầu đưa ra các con số và phương pháp tính các loại chi phí một cách đáng tin cậy. Nổi bật nhất có lẽ phải kể đến những nghiên cứu trong Bảng 1.

Để hỗ trợ các bên có hệ thống tính toán và quản lý các loại chi phí liên quan đến chương trình giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng (REDD+), CIFOR đã xây dựng phần mềm tính toán và quản lý chi phí thực hiện REDD+. Mô hình Chi phí REDD+ là một công cụ dự báo và lập ngân sách dựa trên Excel, có khả năng truy cập mở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích các sáng kiến REDD+ cấp địa phương. Công cụ này cung cấp một khuôn khổ để thu thập dữ liệu về chi phí thực hiện của các thực thể tham gia REDD+ trên thực tế, đảm bảo rằng việc lập ngân sách là thấu đáo và nhắc nhở người dùng cân nhắc chi phí trên các hạng mục ngân sách và chức năng dự án khác nhau. Việc sử dụng một hệ

thống nhất quán để lập các bảng dự tính sẽ giúp các bên có thể tự động hóa việc tính toán ngân sách. Công cụ cũng sẽ giúp các bên thiết kế và duy trì các chức năng của dự án một cách tối ưu về tài chính theo thời gian, cung cấp các phương tiện khác nhau để phân loại chi phí, hỗ trợ phân tích chi phí trong nội bộ dự án và cuối cùng là đưa ra quyết định về việc mở rộng quy mô các sáng kiến REDD+. Toàn bộ hướng dẫn bộ công cụ có thể được download tại: <https://www2.cifor.org/redd-benefit-sharing/resources/tools/redd-cost-model/>

4.2 Lợi ích

Theo các công ước quốc tế cũng như các quy định hiện hành tại các nước nghiên cứu, có nhiều góc nhìn để phân tích về lợi ích cần phải được chia sẻ từ việc thực hiện chương trình giảm phát thải bao gồm: lợi ích Các bon lợi ích phi Các-bon lợi ích tiền tệ và lợi ích phi tiền tệ.

Tại các nước tiến hành nghiên cứu, cơ chế chia sẻ lợi ích sử dụng nhiều mô hình khác nhau nhưng đều hướng tới chia sẻ cả 4 loại lợi ích này (Xin xem thêm Bảng 3 để biết thêm thông tin).

5 Ai là người thụ hưởng ? Chương trình/chính sách nên trả cho ai ?

Phạm và cộng sự (2013) khi nghiên cứu về cơ chế chia sẻ lợi ích REDD+ tại Bolivia, Brazil, Burkina Faso, Cameroon, Democratic Republic of the Congo, Indonesia, Lao PDR, Mozambique, Nepal, Papua New Guinea, Peru, Tanzania and Vietnam đã chỉ 5 quan điểm về xác định người hưởng thụ đang được 13 quốc gia này áp dụng:

- i. Lợi ích nên được phân phối cho những người có quyền hợp pháp (dù theo luật định hay theo tập quán) đối với những lợi ích đó
- ii. Lợi ích cũng nên được phân bổ cho những người quản lý rừng thực hiện các hoạt động phát thải thấp
- iii. Chính phủ và dự án nên phân bổ các lợi ích REDD+ để bù đắp cho các bên vì thực hiện các hoạt động giảm phát thải mà phải chịu nhiều loại chi phí và thiệt hại
- iv. Lợi ích nên được trao cho những người hỗ trợ thực hiện hiệu quả các hoạt động giảm phát thải (ví dụ các bên trung gian, người kết nối thị trường, chương trình dự án, NGOs, các cơ quan chính phủ ở các cấp) như một động lực để họ thúc đẩy việc thực hiện REDD+ một cách hiệu quả

- v. Lợi ích nên được chi trả cho nhóm người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương để đảm bảo những tác động xã hội tích cực mà chương trình đem lại

Khi rà soát các cơ chế chia sẻ lợi ích được đề cập bởi các nước hiện đang tham gia FCPF nói chung, 12 nước đã ký kết được ERPA và 6 nước đang ở giai đoạn ERPD, nhóm tác giả của báo cáo này nhận thấy tất cả các nước nghiên cứu (Bảng 3, Bảng 8) tuy khi mới bắt đầu quá trình xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích đều khởi động bằng việc thảo luận nên chọn hình thức nào trong 5 hình thức kể trên, cơ chế chia sẻ lợi ích cuối cùng được công bố dựa trên tham vấn rộng rãi với các bên có liên quan đều thể hiện sự kết hợp cùng một lúc của cả 5 phương thức cho 5 nhóm hưởng lợi này. Quá trình tham vấn và thương thảo (thường kéo dài tối thiểu ít nhất 2 năm) tại các quốc gia đã giúp các bên có liên quan có sự đồng thuận về sự cần thiết để chia sẻ lợi ích cho nhiều nhóm đối tượng nhằm đảm bảo tính hiệu quả của chương trình giảm phát thải, mỗi nhóm đối tượng sẽ được hưởng bao nhiêu lợi ích và nhận như thế nào lại là vấn đề thách thức. Phần 6 dưới đây sẽ trình bày kỹ hơn về vấn đề này.

6 Cơ cấu tổ chức quản lý tài chính và chia sẻ lợi ích

6.1 Cơ cấu tổ chức quản lý tài chính

Hình 1 thể hiện bức tranh chung trong về đường đi của dòng tài chính sau khi Quỹ Các-bon chi trả cho 12 quốc gia đã kí ERPA. Trong 12 quốc gia này, 58.3% (Chile, Lào, Indonesia, Ghana, Mozambique, DRC và Madagascar) có xu thế coi đây là nguồn thu của ngân sách nhà nước và chuyển tới một Bộ Ngành cụ thể để quản lý (Hình 1 và Bảng 2). 58.3% chọn mô hình chuyển tiền tới Quỹ Ủy Thác môi trường độc lập (có thể đặt trụ sở ở trong hoặc ngoài nước) (Hình 1 và Bảng 2). Kết quả này cũng được khẳng định bởi nghiên cứu của Conservation Finance Alliance (2010) khi cũng chỉ ra nguồn tiền liên quan đến giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng/bán tín chỉ Các-bon thường được quốc gia quản lý dưới 4 mô hình chung: (i) Chuyển tới Quỹ môi trường thác được quản lý ở cấp quốc (có thể trong và ngoài nước), (ii) Chuyển tới bên trung gian thị trường và NGO; (iii) Chuyển tới ngân sách nhà nước và các bộ ngành; (iv) Chuyển tới Quỹ môi trường tại cấp khu vực và cấp tỉnh.

Hình 2 cho thấy, 92% tiền chi trả cho REDD+ từ nhiều nguồn khác nhau dành cho Brazil được chuyển qua Quỹ môi trường quốc gia và chỉ có 0.52% là được qua Ngân sách nhà nước. Tương như vậy, 69% tiền chi trả cho REDD+ tại Cambodia được chuyển vào Quỹ môi trường quốc gia. Tuy nhiên trong trường hợp của DRC, toàn bộ tiền chi trả cho REDD+ (100%) hay trong trường hợp của Peru, 90.4% được chuyển vào ngân sách nhà nước.

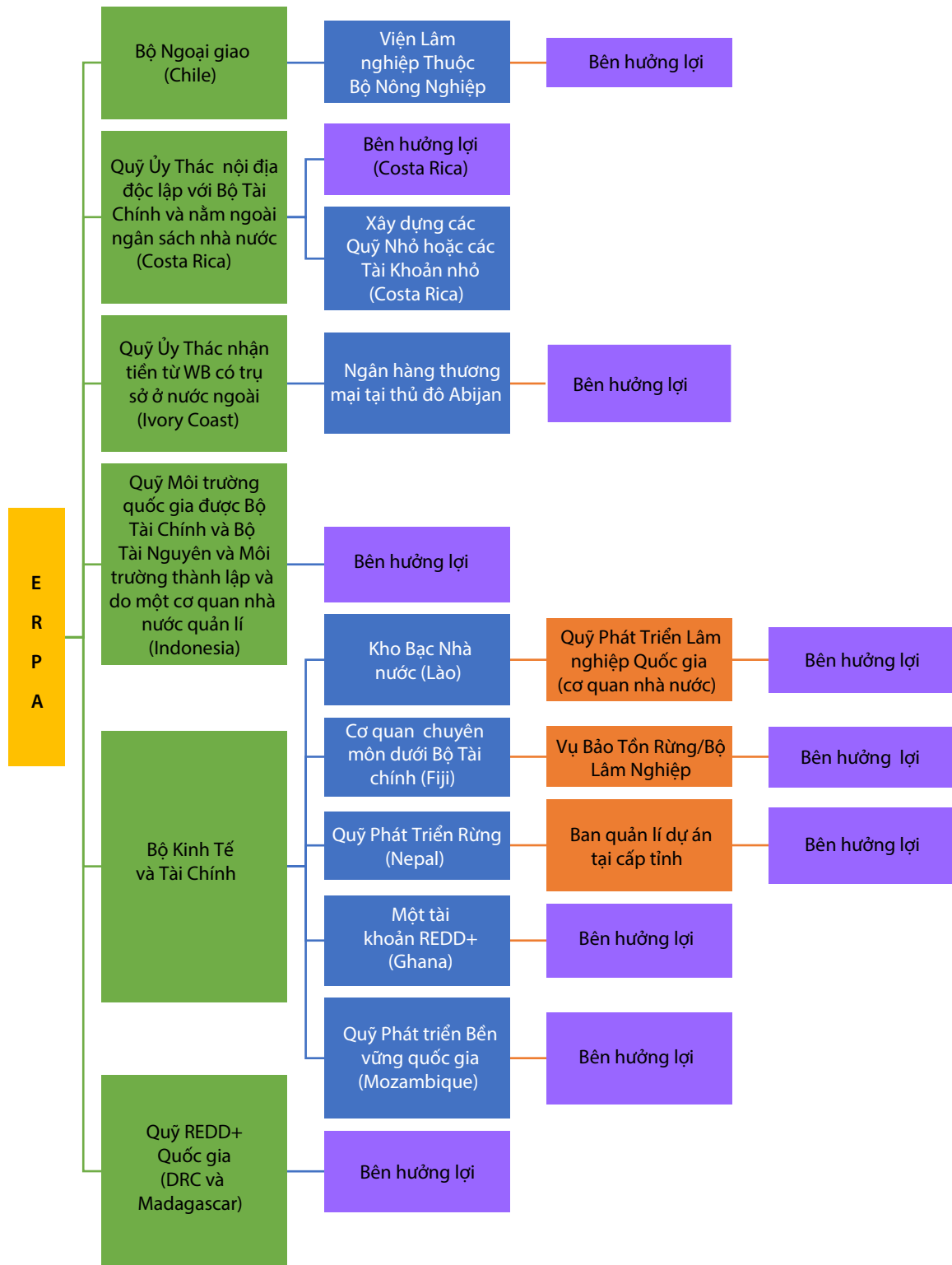
Conservation Finance Alliance (2010) cũng chỉ ra quy mô số tiền chi trả đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định tiền sẽ được phân bổ ra sao. Cụ thể hơn:

- i. Các chương trình từ 100- 500 triệu USD. Các thỏa thuận song phương với trị giá từ 100 – 500 triệu USD sẽ ưu tiên chi trả vào ngân sách nhà nước và do bộ ngành quản lý.
- ii. Các chương trình 10 triệu – 100 triệu USD do song phương, đa phương, Quỹ Phát triển chi trả thường chọn Quỹ quỹ thác quốc gia hoặc đi qua ngân sách nhà nước.
- iii. Các dự án dưới 10 triệu USD (của cả song phương, các Quỹ tài trợ và chi trả từ thị trường Các-bon) lại chọn phương thức chi trả cho Quỹ ủy thác môi trường tại địa phương, các bên trung gian thị trường hoặc trực tiếp tài trợ cho các dự án cấp thôn bản.

Ngoài ra luật pháp hiện hành về quản lý nguồn tiền nước ngoài và năng lực quản lý tài chính của các cơ quan nhà nước cũng là yếu tố quyết định việc dòng tiền nhận được cho chi trả phát thải sẽ được chuyển vào đâu.

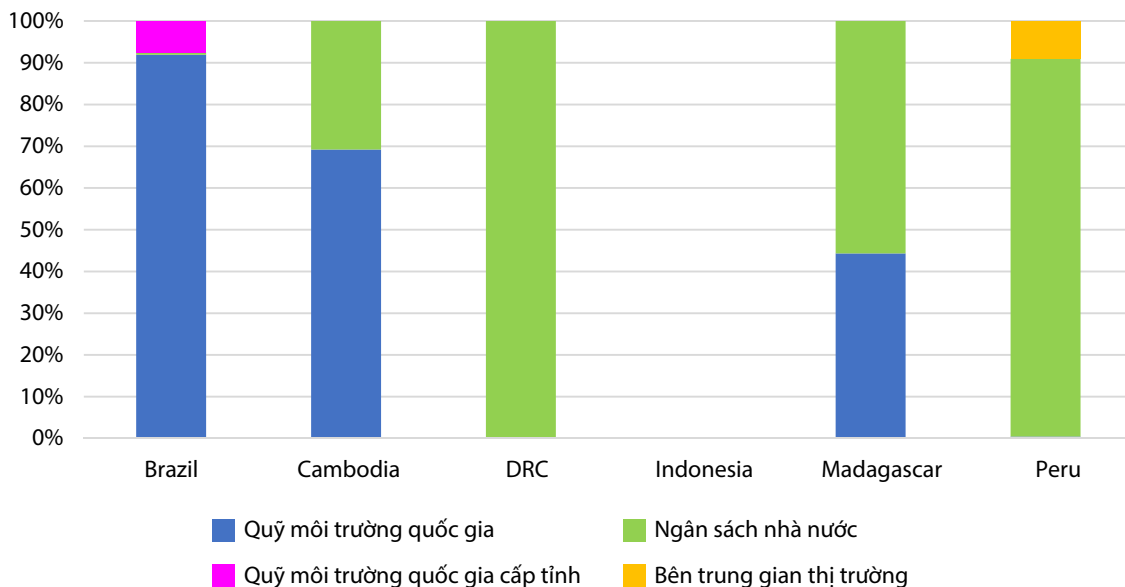
6.2 Cơ chế chia sẻ lợi ích

Bảng 3 trình bày cơ chế chia sẻ lợi ích mà 12 quốc gia đã kí ERPA hiện đang áp dụng. Có sự tương đồng cao về tiêu chí đánh giá mà các quốc gia đang áp dụng xác thực một bên có đủ điều kiện nhận được tiền chi trả hay không. Cụ thể hơn, các tiêu chí này bao gồm các hoạt động đóng góp vào giảm phát thải (chỉ tiêu môi trường); đóng góp vào đảm bảo tác động tích cực đối với xã hội (chỉ tiêu xã hội) và hoàn thành trách nhiệm của các bên quản lý và trung gian. Tuy nhiên, mỗi quốc gia lại có cách tiếp cận riêng trong việc áp dụng các tiêu chí này riêng lẻ hoặc kết hợp như thế nào (Bảng 3).



Hình 1. Cách thức vận hành cơ chế quản lý tài chính của 12 nước kí ERPA

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp (2021)



Hình 2. Phương thức quản lý tài chính từ các nguồn song phương, đa phương, Quỹ đầu tư, thị trường Carbon tại Brazil, Cambodia, DRC, Indonesia, Madagascar và Peru

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp từ phân tích của Conservation Finance Alliance (2010)

Lưu ý: Tuy vào năm 2010, Indonesia chưa có nguồn giải ngân nào liên quan đến chi trả dựa vào kết quả và giảm phát thải, trong chính sách hiện hành đã định rõ sẽ mọi chi trả cho hình thức này sẽ đi qua Quỹ môi trường quốc gia và Quỹ môi trường cấp tỉnh.

Bảng 2. Chi tiết về cơ chế quản lý tài chính ERPA của các nước

Quốc gia	Chi tiết
1. Chile	<ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng Thế giới ký Thỏa thuận với Bộ Nông nghiệp và Bộ Tài chính rằng Cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế (AGCID) thuộc Bộ Ngoại giao được phép thay mặt Chile nhận và quản lý các quỹ quốc tế (FCPF, GEF) Sau đó, Bộ Nông nghiệp sẽ ký Thỏa thuận với: <ul style="list-style-type: none"> Tập đoàn lâm nghiệp quốc gia (CONAF) với tư cách là người quản lý kỹ thuật. CONAF là một tổ chức tư nhân và phi lợi nhuận của Chile được giám sát và tài trợ bởi Bộ Nông Nghiệp Chile với mục tiêu đóng góp vào sự phát triển và quản lý bền vững tài nguyên rừng của đất nước Viện Lâm Nghiệp (INFOR) thuộc Bộ Nông Nghiệp với vai trò người quản lý tài chính. INFOR là một cơ quan hành chính công có nhiệm vụ thực hiện nghiên cứu và phát triển các chương trình liên quan đến ngành lâm nghiệp ở Chile Sau khi nhận được tiền từ ERPA, AGCID sẽ chuyển cho INFOR, cơ quan sẽ thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích dưới sự giám sát kỹ thuật của CONAF. CONAF sẽ chỉ ra cho INFOR biết những dự án hoặc chương trình nào được ký hợp đồng tại từng khu vực thực hiện dự án để INFOR có thể thực hiện các đấu thầu tương ứng cũng như mua các dịch vụ được thiết lập trong khuôn khổ chương trình Việc quản lý nguồn tiền của ERPA cũng sẽ theo mô hình quản lý dự án (50%) và viện trợ không hoàn lại (50%)
2. Costa Rica	<ul style="list-style-type: none"> Các khía cạnh kỹ thuật sẽ được quản lý bởi Bộ Môi trường và Năng lượng (MINAE), thông qua Cơ quan Quản lý Lâm nghiệp Nhà nước (Quỹ Rừng Quốc gia – FONAFIFO) hoặc Hệ thống Các Khu Bảo tồn Quốc gia - SINAC), cơ quan này sẽ thu xếp việc mua bán Giảm phát thải (ER) với các chủ sở hữu tương ứng của họ, những người đã ký hợp đồng sơ bộ ở giai đoạn đầu để cho phép Nhà nước thương lượng các ER

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Quốc gia	Chi tiết
2. Costa Rica	<ul style="list-style-type: none"> • Về phần hành chính và tài chính, Quỹ Ngân hàng Môi trường (FUNBAM) sẽ quản lý ký quỹ và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích theo hướng dẫn do Ban Giám đốc REDD+ xác định và được Ban Thư ký REDD+ giám sát. FUNBAM là một pháp nhân phi lợi nhuận độc lập với Bộ Tài chính được WB hỗ trợ thành lập để quản lý nguồn PES và bảo tồn đa dạng sinh học. Ban quản trị của Quỹ, bao gồm Bộ trưởng Bộ Môi trường và Năng lượng, SINAC, FONAFIFO; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi, và đại diện của Quỹ vì đa dạng sinh học bền vững (FBS) • Sau khi được Quỹ Các-bon cho phép, tiền nhận được từ chương trình ERPA phải được gửi vào một tài khoản chính do FUNBAM mở dành riêng cho chi trả giảm phát thải. Tài khoản chính này sẽ có các tài khoản phụ độc lập sau: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Hợp đồng Tài khoản Cơ chế Giảm phát thải từ Rừng (CREF): để thanh toán trực tiếp cho các nhà cung cấp dịch vụ giảm phát thải đã ký thỏa thuận thông qua CREF. Việc thanh toán CREFs sẽ dựa trên việc thiết lập các thỏa thuận giữa FONAFIFO và các chủ rừng. Số tiền trong mỗi thỏa thuận sẽ tùy thuộc vào tỷ lệ tham gia của từng chủ sở hữu trong việc tạo ra ER. Số lượng sẽ được xác định theo diện tích rừng, như một chỉ số đại diện cho hiệu suất ER. Số tiền phải trả phụ thuộc vào việc giảm phát thải cuối cùng trên một đơn vị diện tích rừng. Các đơn vị nhận thanh toán CREF sẽ phải tuân theo một chương trình giám sát và giám sát để đảm bảo rằng các điều kiện được thiết lập trong thỏa thuận sẽ được áp dụng và các khoản thanh toán tiếp theo sẽ được thực hiện ◦ Tài khoản Kế hoạch Tăng cường SINAC: để thanh toán trực tiếp cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ được mua theo kế hoạch củng cố SINAC, FUNBAM sẽ chuyển giao ngân sách phù hợp với kế hoạch hoạt động đã được Hội đồng quản trị phê duyệt ◦ Quỹ Đầu tư cho Tài khoản Đảo ngược: được thành lập với 5% tổng số tiền thanh toán cho việc giảm phát thải ◦ Tài khoản Quỹ Phát triển Bền vững Toàn diện: được thiết lập trong Kế hoạch Hành động về Giới và bao gồm 10% khoản thanh toán ròng cho việc giảm phát thải do FONAFIFO sở hữu ◦ Tài khoản Quỹ Doanh nghiệp Xanh: được thành lập với 5% số tiền thanh toán ròng cho việc giảm phát thải do SINAC sở hữu ◦ Tài khoản thực hiện chương trình giảm phát thải (ERP): được lập với 4% tổng số tiền thanh toán cho việc giảm phát thải để trang trải chi phí vận hành và giám sát của việc triển khai ERP ◦ Ngoại trừ các khoản thanh toán cho chủ rừng tư nhân, không có sự chuyển giao các nguồn tài chính cho SINAC hoặc các tổ chức công khác sở hữu ERs ◦ FUNBAM, với 4% tổng thanh toán cho ER đã đề cập, cũng sẽ cung cấp cho Ban Thư ký các thiết bị, vật liệu và dịch vụ chuyên môn cần thiết cho MRV • Theo cơ chế này, Bộ Tài chính sẽ không có bất kỳ trở ngại nào vì đã có những tiền lệ hiện có, chẳng hạn như các khoản tài trợ của Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) và khoản vay Ecomercados
3. Ivory coast	<ul style="list-style-type: none"> • Quỹ Công viên và Khu bảo tồn Côte d'Ivoire (FPRCI) sẽ quản lý tiền nhận được từ Quỹ Các-bon và sau đó chuyển tiền tới các bên hưởng lợi. FPRCI là một Quỹ ủy thác bảo tồn phi lợi nhuận tư nhân liên quan đến việc tạo lập, quản lý và tài trợ cho các Vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên có trụ sở tại UK. Nhiệm vụ của tổ chức này là đảm bảo cung cấp tài chính dài hạn cho các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và vùng đệm của đất nước thông qua việc huy động vốn đầu tư tạo ra doanh thu hàng năm để tài trợ cho các chi phí thường xuyên cốt lõi nhằm duy trì việc quản lý các khu bảo tồn

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Quốc gia	Chi tiết
3. Ivory coast	<ul style="list-style-type: none"> • Việc quản lý, vận hành và chia sẻ lợi ích của chương trình ERPA sẽ được thực hiện theo các thủ tục hiện hành của FPRCI và phù hợp với một thỏa thuận sẽ được ký với Bộ Tài chính trước khi ERPA ký. Thỏa thuận với Bộ Tài Chính này sẽ quy định cụ thể việc quản lý dòng tài chính và sử dụng vốn, bao gồm cả việc chuyển tiền từ Quỹ Các-bon FCPF sang FPRCI với các điều khoản kiểm soát và nghĩa vụ của các bên và các bên thụ hưởng, kế hoạch hoạt động hàng năm và ngân sách liên quan tới bên hưởng lợi đệ trình lên SEP-REDD+ và Ủy ban REDD+ phê duyệt sau đó chuyển cho FPRCI • FRCI sẽ chi trả cho người hưởng lợi dựa trên kết quả hoạt động được lập thành văn bản của SEP-REDD phù hợp với các chỉ số hoạt động đã xác định và phù hợp với kết luận của các cuộc đánh giá bên ngoài do các Chuyên gia của Quỹ Các-bon thực hiện và sẽ phải báo cáo với Bộ Kinh Tế và Tài chính • Tài khoản được chỉ định ER do FPRCI quản lý. Tiền sẽ được thanh toán toàn bộ vào hai tài khoản được chỉ định như sau: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Tài khoản dự trữ (FPRCI-UK): 5% ◦ 95% sẽ chuyển vào tài khoản phân phối FPRCI trong một ngân hàng thương mại ở Abidjan để thực hiện thực hiện các chương trình mà không liên quan đến tài khoản ở UK. Từ tài khoản này sẽ chuyển tiền chi trả tới tài khoản của các bên hưởng lợi
4. Việt Nam	Đang trong quá trình xây dựng và xin ý kiến
5. Indonesia	<ul style="list-style-type: none"> • Việc thanh toán chi trả giảm phát thải sẽ được quản lý ở cấp quốc gia bởi Cơ quan Quản lý Quỹ Môi trường (BLU-BPDLH) thông qua một ngân hàng giám sát. BLU-BPDLH sẽ chuyển khoản thanh toán đến cấp địa phương theo từng đợt và / hoặc thanh toán toàn bộ • Theo quy định của Bộ Tài chính về Quản lý tiền mặt và đầu tư của các cơ quan dịch vụ công (BLU), việc lựa chọn ngân hàng giám sát sẽ do BLU tiến hành. Trong Dự án FCPF này, ngân hàng giám sát sẽ được BLU-BPDLH lựa chọn và được Ngân hàng Thế giới chấp thuận • BLU-BPDLH sẽ thanh toán cho người thụ hưởng dựa trên các hợp đồng ER sẽ được soạn thảo theo cơ chế chia sẻ lợi ích định sẵn • Ngân sách của Chính phủ, khu vực tư nhân và các đối tác phát triển sẽ được dùng để chi trả cho các hoạt động của dự án và để lại toàn bộ giá trị của các khoản thanh toán ER để phân phối dưới dạng lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ. Do đó, lợi ích tiền tệ được định nghĩa là tiền mặt, được tài trợ từ các khoản thanh toán ER, được nhận bởi người thụ hưởng; và lợi ích phi tiền tệ là hàng hóa, dịch vụ hoặc các lợi ích khác được tài trợ bằng các khoản thanh toán ER • Nguồn tiền từ FCPF sẽ không được tính trong Chiến lược tài chính cho Chương trình ER và sẽ được coi là phần thưởng cho Indonesia trong việc đạt được ERs
6. Lào	<ul style="list-style-type: none"> • Khi kết quả giảm phát thải được xác thực và chấp nhận để chi trả, tiền từ Quỹ Các-bon sẽ chuyển tới hệ thống Kho bạc nhà nước thông qua Ngân hàng Lào. Quỹ Phát triển Rừng (một quỹ quốc gia do chính phủ thiết lập) sẽ hỗ trợ quá trình chuyển tiền tới các bên thụ hưởng qua ngân hàng uỷ quyền sau 2 tuần • Cả lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ sẽ được giải ngân sau khi được sự thông qua của Ban điều hành Quỹ Phát triển Rừng và Vụ Lâm Nghiệp. Các lợi ích phi tiền tệ sẽ được xác định qua quá trình tư vấn với các bên có liên quan • Việc giải ngân từ Kho bạc Quốc gia cho người thụ hưởng được thực hiện theo quy trình phê duyệt kế hoạch và do Bộ tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư và Quỹ Phát triển Rừng Quốc gia (FPF) phê duyệt hàng năm và phải phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm của Chính phủ • Đối với các lợi ích bằng tiền mặt, việc giải ngân cho người thụ hưởng được xử lý sau khi được phê duyệt và xác nhận chi tiêu của Vụ Lâm Nghiệp, dựa trên kết quả giám sát ER đã được xác minh trong một giai đoạn giám sát nhất định. Mọi chi phí chuyển khoản do Ngân sách Nhà nước tài trợ

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Quốc gia	Chi tiết
6. Lào	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với các lợi ích phi tiền tệ, sau khi hạng mục đầu tư được quyết định (ví dụ: hạt giống cây trồng, cơ sở vật chất cộng đồng, đào tạo, công nghệ, v.v.), quy trình sẽ vẫn yêu cầu sự chấp thuận của FDF và sự xác nhận chi tiêu của Bộ lâm nghiệp (DoF) sẽ dựa trên giám sát ER đã được xác minh kết quả trong một khoảng thời gian giám sát nhất định. Sau khi quyết định được đưa ra, Quỹ phát triển FPF sẽ đệ trình yêu cầu cấp vốn từ Kho bạc Quốc gia • Một phần từ các khoản thanh toán dựa trên kết quả cũng được chỉ định cho các sáng kiến thí điểm, thông qua một quá trình lựa chọn thông qua cơ chế kêu gọi dự án tài trợ không hoàn lại. Các tiêu chí lựa chọn và đánh giá đang được phát triển
7. Fiji	<ul style="list-style-type: none"> • Sau khi được xác minh, tiền từ Quỹ Các-bon sẽ được chuyển tới một bộ phận chuyên môn tại Bộ Kinh tế^a (CCICD Unit) để thực hiện các giao dịch. Sau đó CCICD sẽ chuyển các khoản thanh toán tài chính và chuyển cho Vụ Bảo Tồn Rừng thuộc Bộ Lâm Nghiệp (CoF) • Lợi ích ròng của quỹ Các-bon sau đó sẽ chuyển đến từ CoF tới người hưởng lợi • Tổng Quỹ Các-bon mà Bộ Kinh tế (MOE) nhận được sẽ được lưu giữ trong tài khoản hợp nhất với các hướng dẫn rõ ràng về các quy trình bắt buộc để truy cập. Các hướng dẫn được tuân thủ nghiêm ngặt và quỹ không được chi tiêu hoặc phân bổ cho các mục đích ngoài ý định ban đầu • Từ tổng lợi ích Các-bon ròng nhận được ở cấp quốc gia, một phần sẽ được sử dụng để trang trải các chi phí cố định sẽ tập trung vào các dịch vụ cần thiết thông qua Bộ Tài chính để giải quyết vấn đề điều phối, nâng cao nhận thức và truyền thông REDD+. Phần mặc định cho chi phí hoạt động được đặt ở giá trị tối đa có thể là 10% • Ban Lâm nghiệp có thể quyết định tỷ lệ cụ thể phân bổ cho MoF thông qua đề xuất của Ban chỉ đạo REDD+ (REDD+ SC) - số tiền này không được vượt quá 10% • Chi phí hoạt động hỗ trợ chức năng và vai trò của ban quản lý dự án và bao gồm chi phí tài chính và chi phí cố định. Các yêu cầu về dòng tiền hàng năm đối với Chi phí hoạt động bao gồm cả đóng góp của Chính phủ và doanh thu từ quỹ Các-bon Chi phí tài chính bao gồm Kiểm toán nội bộ và Truyền thông trong khi chi phí hoạt động cố định bao gồm điều phối và hậu cần • Quỹ dự phòng gồm 5% lợi ích từ việc chi trả các-bon sẽ được trích lập trong trường hợp chương trình không thể đạt được mục tiêu để ra hoặc gặp rủi ro về biến đổi khí hậu đồng thời có thể được sử dụng để thưởng cho những người thụ hưởng tiềm năng đã giảm hiệu quả. Quỹ này phải hoạt động theo các hướng dẫn quy định rõ ràng của Bộ tài chính. Quỹ Dự phòng sẽ được kích hoạt khi chương trình không đạt được mục tiêu để ra và được Bộ Kinh tế quản lý với các quy trình và hướng dẫn rõ ràng
8. Nepal	<ul style="list-style-type: none"> • Quỹ Các-bon sẽ chuyển tiền sang Bộ Tài Chính, sau đó Bộ Tài Chính sẽ chuyển tiền qua Quỹ Phát triển rừng (FDF) để thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích. FDF là một quỹ chuyên dụng được điều hành bởi một cơ quan quản lý liên bang với sự tham gia của nhiều bên có liên quan với sự điều hành và hỗ trợ từ Ủy ban Điều phối REDD+ Quốc gia (NRCC) • Ở cấp địa phương, các Ủy ban Lâm nghiệp và Môi trường thuộc mỗi chính quyền địa phương đóng vai trò như các ban chỉ đạo quản lý quỹ để giám sát việc phân phối quỹ tổng thể trong khu vực pháp lý tương ứng của họ • Trung tâm Thực hiện REDD (REDD IC) và Văn phòng Lâm nghiệp (DFO) đóng vai trò là Ban Quản lý Dự án (PMU) ở cấp liên bang và cấp huyện. REDD-Desk sẽ đóng vai trò là cơ quan đầu mối ở cấp tỉnh • Tài khoản của Quỹ FDF sẽ được giữ tại một ngân hàng thương mại loại "A" và FDF sẽ chuyển tiền tới các bên hưởng lợi • FDF sẽ được quản lý bởi một Ủy ban hoạt động đa bên (OC), bao gồm các đại diện từ chính quyền liên bang và tỉnh, xã hội dân sự và khu vực tư nhân. OC sẽ quản lý các khoản thanh toán ER với tư cách là ủy ban chỉ đạo quản lý quỹ liên bang, với sự đóng góp và hỗ trợ của NRCC. Ủy ban cấp cao gồm nhiều bên liên quan chuyên trách để xem xét và đưa ra các chiến lược để thực hiện REDD và đảm bảo việc phân phối Khoản thanh toán ER công bằng, hiệu quả

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Quốc gia	Chi tiết
8. Nepal	<ul style="list-style-type: none"> Chi tiêu và chi tiết của từng phân bổ tài trợ, bao gồm cả Khoản thanh toán ER, sẽ được lưu giữ riêng biệt, và các bộ phận và bộ phận trực thuộc MoEF phải nộp chi tiết chi tiêu và hỗ trợ hàng tháng, ba tháng và hàng năm. Ban kiểm toán nội bộ đối với các giao dịch tài chính ban đầu sẽ được thực hiện bởi Văn phòng kiểm soát tài chính, sau đó là kiểm toán lần cuối bởi Văn phòng Tổng Kiểm toán Ở cấp địa phương, các Ủy ban Lâm nghiệp và Môi trường thuộc mỗi chính quyền địa phương đóng vai trò là ban chỉ đạo quản lý quỹ để giám sát việc phân phối quỹ tổng thể trong phạm vi quyền hạn của họ. Các ủy ban này xem xét và đánh giá các yêu cầu và Kế hoạch đầu tư, và đưa ra các quyết định liên quan đến việc phân phối công bằng các khoản chi trả ER cho những người hưởng lợi đã được xác định giữa chính phủ và các nhóm sử dụng rừng; cho các chủ rừng tư nhân; và các cộng đồng và hộ gia đình không thuộc một nhóm rừng, theo các tiêu chí đã được thông qua Theo Chiến lược REDD+ quốc gia của Nepal, REDD+ Desk được thành lập tại Ban Giám đốc Lâm nghiệp tỉnh sẽ đóng vai trò là đơn vị đầu mối của Chương trình ER ở cấp tỉnh dưới sự giám sát của Bộ Công nghiệp, Du lịch, Rừng và Môi trường (MITFE). REDD-Desk, phối hợp với Bộ, sẽ cung cấp hướng dẫn và thu thập các báo cáo từ DFO (như DPMU) trong phạm vi quyền hạn của mình, và chuyển chúng đến REDD IC. Ngoài ra, REDD-Desks sẽ hỗ trợ MRV cho các ER và giải quyết bất kỳ phản hồi hoặc khiếu nại nào liên quan đến việc chia sẻ lợi ích
9. DRC	<ul style="list-style-type: none"> FONAREDD (Quỹ REDD+ Quốc gia) / MPTFO (Văn Phòng Quỹ Ủy Thác đa bên của Liên Hợp Quốc) sẽ trực tiếp nhận và quản lý nguồn tiền từ Quỹ Các-bon Không có chi trả trực tiếp nào cho chính phủ Chi trả tới các cộng đồng sẽ được thông qua FONAREDD/MPTFO theo quy chế hoạt động của MPTFO Khối tư nhân cũng sẽ được nhận tiền chi trả từ FONAREDD Ban quản lý dự án (PMU) sẽ chịu trách nhiệm cho các hoạt động hàng ngày và hỗ trợ FONAREDD trong việc giám sát cơ chế chia sẻ lợi ích, cũng như thúc đẩy tìm kiếm nguồn tài chính từ các chương trình ER trong nước và quốc tế mới, hỗ trợ khu vực tư nhân, phối hợp với các tiểu dự án đang thực hiện, thực hiện giám sát và các yêu cầu báo cáo, nâng cao năng lực của chính quyền cấp tỉnh, và bán ER
10. Madagascar	<ul style="list-style-type: none"> Các lợi ích Các-bon được coi là “tài nguyên công cộng” ở Madagascar và do đó chúng phải tuân theo các quy định cụ thể của luật Malagasy hiện hành Nghị định REDD+ quy định rằng bất kỳ doanh thu nào từ việc bán ER ở Madagascar đều được nhận, quản lý và chuyển giao thông qua Cơ quan hành chính công (“Entité Publique à Titre Administratif” trong tiếng Pháp, EPA) hoặc, cho đến khi điều này được thiết lập, bởi một cơ chế ủy thác tạm thời. Nguồn lợi tài chính từ việc thương mại giảm phát thải được coi là nguồn thu nhà nước và thuộc quyền quản lý và trách nhiệm của Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Môi trường và phát triển bền vững (MEDD) Cơ chế chia sẻ lợi ích sẽ được thực hiện hiện qua Quỹ REDD+. Quỹ REDD+ chịu trách nhiệm phân phối lợi ích Các-bon cho từng thực thể theo các quy định của Kế hoạch Chia sẻ Lợi ích đã được thông qua. Các cơ chế quản lý và điều hành của Quỹ REDD+ sẽ được thành lập thông qua một nghị định, tách biệt với Nghị định REDD+. Cho đến khi việc thông qua và vận hành EPA có hiệu lực, quản lý tài chính sẽ được thực hiện bởi một Tổ chức hiện có được WB chấp nhận Giảm phát thải từ tất cả các dự án thuộc quyền sở hữu của Chính Phủ và chỉ có Chính phủ mới được quyền thương mại hoặc chuyển quyền cho các bên
11. Ghana	<ul style="list-style-type: none"> Tiền chi trả từ Quỹ Các-bon sẽ được chuyển vào một tài khoản đặc biệt cho REDD+ do Bộ Tài Chính quản lý Nguồn tài chính từ tài khoản đặc biệt này sẽ được chi trả tới các bên hưởng lợi cũng như để chi trả các chi phí cố định cho việc vận hành các hoạt động quản lý và giảm phát thải

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Quốc gia	Chi tiết
12. Mozambique	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng tối đa hóa hệ thống quốc gia và cấp tỉnh để áp dụng thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích Cơ chế chia sẻ lợi ích sẽ tuân theo hệ thống tài chính hiện hành mà nhà nước quy định với sự giám sát của các quỹ quốc tế Bên Quỹ Các-bon sẽ chuyển tiền cho Bộ Kinh tế và Tài Chính (MEF) Quy trình thủ tục hành chính của Mozambique quy định rằng, tất cả các quỹ quốc tế khi vào hoạt động tại Mozambique, bao gồm chi trả cho giảm phát thải phải được đăng kí tại Ngân hàng của Mozambique. Chi trả giảm phát thải được trả cho MEF phải được gửi vào một tài khoản dollar riêng biệt trong Ngân hàng Nhà nước của Mozambique (Banco de Moçambique) và phải được Ngân hàng thế giới chấp thuận Khi nguồn tài chính này được đăng kí tài Mozambique, MEF sẽ chuyển nguồn tiền để chi trả cho các chi phí thực hiện và quỹ bảo hành rủi ro bằng tiền nội địa thông qua Hệ thống quản lí tài chính quốc gia (SISTAFE) cho Quỹ Phát triển Bền vững quốc gia (FNDS). FNDS sẽ là người thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích và có một tài khoản cố định cho việc này

a Khung Warsaw gợi ý rằng tổ chức quốc gia hoặc cơ quan đầu mối được chỉ định làm đầu mối liên lạc với ban thư ký và các cơ quan thuộc UNFCCC về điều phối hỗ trợ cũng có thể được chỉ định để nhận và nhận các khoản thanh toán dựa trên kết quả.

Nguồn: CONAF (2019), Chính phủ Costa Rica (2020), Chính phủ Cote d'Ivoire(2020), FCPF (2018), Chính phủ Fiji (2020), Chính phủ Ghana (2020), Chính phủ Indonesia (2020), Chính phủ Lào (2020), Chính phủ Madagascar (2020), Chính phủ Nepal (2020), Chính phủ Vietnam (2020), World Bank (2019)

Bảng 3. Cơ chế chia sẻ lợi ích của các nước đã ký ERPA

1. Ghana	<p>Số tiền nhận được từ chi trả Các-bon sẽ được dùng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> 4% sẽ dùng cho các chi phí vận hành cố định bao gồm: kiểm toán tài khoản, chi phí vận hành ban quản lí dự án, tiền lương, tiền theo dõi, giám sát và đánh giá tài nguyên rừng, tiền mua xe cộ, tiền đi lại. Tiền thẩm định Các-bon và kiểm toán Các-bon sẽ được chi trả bởi WB nên không bao gồm trong chi phí cố định này 69% sẽ được chi trả cho các bên có liên quan trong vùng điểm nóng can thiệp (HIA) thông qua một tài khoản được tạo cho 6 HIA và dưới đó là người dân và cộng đồng hưởng lợi. HIA và các đơn vị dưới HIA với sự tham gia của đại diện cộng đồng và người lãnh đạo của cộng đồng địa phương được bầu chọn qua hình thức bỏ phiếu Ban điều hành tại HIA tại cấp cơ. Ban quản lí này phải có ít nhất một người là nữ. Các lợi ích được chuyển trực tiếp vào tài khoản của Hội đồng Truyền thống. Tuy nhiên, nông dân trong các nhóm đã đăng kí sẽ được chia sẻ dưới dạng lợi ích hiện vật, phi tiền tệ. Do đó, Hiệp hội sẽ làm việc với các nông dân đã đăng kí để thống nhất các mặt hàng thích hợp sẽ được trao cho từng nông dân hoặc nhóm nông dân. Sau đó, Ủy ban sẽ chịu trách nhiệm chỉ định các đối tác của liên minh để mua các mặt hàng và phân phối 27% sẽ được chi trả cho các cơ quan nhà nước Sau khi trừ đi chi phí cố định, 3% của chi trả dựa vào kết quả sẽ được dùng để dùng như một khoản kinh phí tạm thời dùng trong trường hợp kết quả không được thực hiện như kì vòng hoặc Quỹ Cac-bon chi trả chậm cho nhà nước. Nếu số tiền này không được sử dụng thì sẽ được dùng để chia lại cho bên hưởng lợi <p>Cơ sở đánh giá để nhận được chi trả:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiêu chí kết quả xã hội: các hoạt động chứng minh bên hưởng lợi đã có cam kết thay đổi hành vi dẫn đến giảm phát thải Tiêu chí kết quả giảm phát thải được thẩm định
----------	--

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

1. Ghana	<p>Chỉ số dựa vào kết quả (Pw) = Chỉ số hiệu suất xã hội của điểm can thiệp nóng (HIA)/Tổng chỉ số hiệu suất xã hội x Các chỉ số giảm phát thải của HIA</p> <p>Chi trả giảm phát thải cho mỗi HIA = ‘Khoản thanh toán ER cho một nhóm người thụ hưởng nhất định tại HIA’ x ‘Chỉ số dựa vào kết quả’ (Pw) của HIA.</p> <p>Các chỉ số xã hội và tỉ lệ trọng lượng để đánh giá tương ứng được thể hiện trong Bảng 4</p>	
Bảng 4. Các tiêu chí đánh giá xã hội		
Các chỉ số hoạt động xã hội	Proxy dữ liệu / đo lường	Mức độ cho điểm
Số lượng giấy đăng ký được cấp cho nông dân / nhóm nông dân	Số nông dân đăng ký theo HIA / Sub-HIA	0.5
Ra mắt Liên minh hợp tác HIA	Tài liệu về sự ra mắt	0.5
Thư thỏa thuận / Biên bản ghi nhớ để thiết lập cơ cấu quản trị HIA	Thư / MOU	0.5
Xây dựng kế hoạch quản lý	Tài liệu kế hoạch quản lý	1
Sự tham gia đã được xác minh của các Chính quyền quản lý truyền thống (TA) theo luật tục trong việc phát triển kế hoạch quản lý	Chữ ký của các TA trong các văn kiện dự án và quyết định	1
Thiết lập cơ cấu quản trị HIA	Quy định về thể chế ở các vùng dưới HIA + các luật pháp hiện hành quy định	1.5 + 1.5
Việc áp dụng các thực hành bền vững của nhóm nông dân & Thực hiện kế hoạch quản lý	Báo cáo thường niên của HIA	1.5
Tổng điểm		8
Nguồn: FCPF & Chính phủ Ghana 2019		
Bảng 5. Các chỉ số ER và trọng số tương ứng		
Các chỉ số giảm phát thải	Cách tính điểm	
Gia tăng nạn phá rừng ở HIA	0.5	
Không có thay đổi thực trong việc phá rừng	1	
Giảm nạn phá rừng	1.5	
Nguồn: FCPF & Chính phủ Ghana 2019		
2. Chile	<p>20% nguồn tài chính sẽ được quản lý tập trung tại cấp trung ương để sử dụng cho quản lý hành chính và tài chính, hỗ trợ kĩ thuật và giám sát, thực hiện hỗ trợ các hoạt động hỗ trợ thực hiện các hoạt động trong Chiến lược REDD+</p> <p>80% còn lại được phân bổ giữa các khu vực tạo ra giảm phát thải Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 50% trong số này phân bổ dựa trên một tiêu chí số học được ấn định theo tiêu chí công bằng, sẽ được chia thành các phần bằng nhau giữa các khu vực tạo ra mức giảm và hấp thụ các-bon rừng • 20% được phân bổ dựa trên kết quả thực hiện giảm phát thải và / hoặc tăng hấp thụ Các-bon rừng được tạo ra ở mỗi khu vực so với FREL / FRL tương ứng. Sự phân bổ sẽ tỷ lệ thuận giữa lượng tấn phát thải giảm và / hoặc tăng hấp thụ cho mỗi khu vực và nguồn tài chính hiện có sau khi nhận được các khoản thanh toán dựa trên kết quả tương ứng. Song song với tính toán này, một tỷ lệ phần trăm sẽ được trừ vào tổng số tiền nhận được để tạo ra các quỹ lưu động sử dụng trong các trường hợp đặc biệt 	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

	<ul style="list-style-type: none"> • 10% được phân bổ theo cơ chế linh hoạt cho từng khu vực, nhằm mục đích phân phối lại các nguồn tài nguyên dựa trên tổng lượng khí thải chia cho bề mặt khu vực, cân bằng giữa các khu vực đó, trong bất kỳ trường hợp bất khả kháng nào (hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc các tình huống khác) đòi hỏi sự can thiệp mạnh mẽ hơn và do đó thời gian và chi phí lớn hơn
3. Costa Rica	<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thực hiện chương trình: Trước khi phân chia lợi ích, 9% tổng số tiền thanh toán nhận được cho việc giảm phát thải trong mỗi giai đoạn giám sát sẽ được khấu trừ để chi trả cho (i) chi phí giám sát (1,12% tổng thanh toán), (ii) chi phí hoạt động (2,88% tổng thanh toán để hợp thức hóa và thanh toán các lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ, (iii) Quỹ đầu tư cho các khoản đảo ngược (5% tổng thanh toán). Quỹ đầu tư đảo ngược là một cơ chế mà qua đó đơn vị thực hiện tự động dự trữ 5% của mỗi khoản thanh toán ERPA trả cho ER để phản hồi trong trường hợp lượng khí thải cao hơn mức tham chiếu trong lần thứ hai và thời kỳ thứ ba của ERP. Quỹ Đầu tư Hoàn nguyên sẽ được sử dụng để đáp ứng các cam kết theo hợp đồng với những chủ rừng tiếp tục giảm phát thải. Tất cả các chi phí này sẽ do FUNBAM quản lý và sẽ không có chuyển tiền cho các cơ quan chính phủ khác. • Lợi ích tiền tệ ròng = Lợi ích tiền tệ gộp - (Chi phí hoạt động + Chi phí giám sát + Quỹ đảo ngược) • Sau khi khấu trừ chi phí vận hành, giám sát và Quỹ đảo ngược, 91% tổng các khoản thanh toán ER sẽ được phân bổ cho những người thụ hưởng đủ điều kiện, dựa trên diện tích đất rừng của mỗi chủ sở hữu • Các khoản thanh toán ERPA ròng sẽ được phân phối thông qua các khoản thanh toán trực tiếp hoặc lợi ích tiền tệ cho các chủ đất rừng có Hợp đồng Giảm phát thải từ Rừng (CREF). Tất cả những người thụ hưởng ký thỏa thuận với Nhà nước để chuyển giao các khoản giảm phát thải có thể nhận được khoản thanh toán này. Số lượng nhận được trên một ha sẽ phụ thuộc vào tổng khối lượng ERs mà quốc gia đó đã sản xuất trong thời gian giám sát • Các khoản thanh toán trực tiếp cho chủ sở hữu thông qua CREF sẽ được tài trợ bởi: (i) 100% số tiền chi trả ròng cho ER được tạo ra trên đất rừng thuộc về chủ sở hữu tư nhân và người bản địa; (ii) lên đến 90% khoản thanh toán ròng mà FONAFIFO nhận được cho ER được mua thông qua Chương trình Chi trả Dịch vụ Môi trường (PES) (10% còn lại được chuyển đến Quỹ Phát triển Bền vững Toàn diện); và (iii) 100% khoản thanh toán ròng nhận được bởi các tổ chức nhà nước khác quản lý Di sản thiên nhiên bang (PNE) • Thời gian thanh toán do Nhà nước thương lượng với người mua ER • Đối với bồi thường cho các chủ rừng, số tiền này vẫn chưa được xác định, nhưng sẽ phụ thuộc vào số lượng diện tích rừng đóng góp vào ER, và các chi phí thiết lập, quản lý, tiếp thị, giám sát và kiểm soát các cam kết trong tương lai sẽ được khấu trừ vào khoản thanh toán cho mỗi chủ sở hữu ER • Ước tính sơ bộ về tổng số tiền CREF phải trả cho mỗi ha cho các chủ rừng là 8,52 USD/ ha rừng. Chi phí vận hành và giám sát hàng năm (0,33 đô la Mỹ / ha), chi phí tài trợ hàng năm của Quỹ đầu tư cho đảo ngược (0,41 đô la Mỹ / ha) và chi phí tài trợ hàng năm của Quỹ phát triển bền vững toàn diện (0,31 đô la Mỹ / ha) nên được khấu trừ khỏi số lượng này. Như vậy, khoản thanh toán CREF ròng hàng năm được tính toán cho các chủ sở hữu để thực hiện REDD+ là 7,48 đô la Mỹ / ha. Xét trong vòng đời 7 năm của ERP, các chủ rừng ký hợp đồng với CREF có thể nhận được khoảng 52 đô la Mỹ / ha • CREF là cơ chế chuyển giao quyền cho chủ rừng. Thông qua việc tham gia tự nguyện vào CREF, chủ đất sẽ được bồi thường cho các ER được tạo ra. Các chủ sở hữu nhà nước và tư nhân, bao gồm người dân bản địa • quản lý rừng dù là rừng nguyên sinh hay thứ sinh hoặc rừng trồng đã được đăng ký hợp lệ trong Cơ quan đăng ký tài sản quốc gia của Costa Rica đều đủ điều kiện tham gia vào cơ chế CREF. Tuy nhiên, phần rừng bị tranh chấp sẽ không được đưa vào cơ chế CREF.

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

- Danh sách các loại đất không đủ điều kiện để nhận thanh toán từ chương trình giảm phát thải (ER) ER:
 - Đất đã được liệt kê trong Chương trình Chi trả Dịch vụ Môi trường (PES)
 - Đất tranh chấp không xác định rõ quyền sở hữu
 - Đất chưa có quy hoạch địa chính
 - Các khu đất đã tham gia CREF và trong quá trình thực hiện dự án được xác nhận rằng đã tạo ra các tác động tiêu cực đến môi trường (như khai thác gỗ trái phép, các hoạt động dẫn đến suy thoái rừng và các vi phạm không tuân thủ luật môi trường quy định). Sau khi xác minh tác động tiêu cực đó, các khoản thanh toán sẽ bị tạm dừng và quá trình điều tra gian lận và phạm tội sẽ được thực hiện, theo luật hiện hành, và yêu cầu hoàn trả lại các khoản thanh toán đã thực hiện trước đây

Quỹ hòa nhập xã hội. Để hỗ trợ các cộng đồng không thể tham gia vào hưởng lợi trực tiếp từ chương trình do thiếu quyền hưởng dụng rõ ràng, 10% khoản thanh toán ròng mà FONAFIFO nhận được sẽ được phân bổ cho việc thành lập Quỹ Phát triển Bền vững Toàn diện và 5% khoản thanh toán ròng mà SINAC nhận được cho Quỹ Kinh doanh Xanh. Tiêu chí phân phối và tính đủ điều kiện để tham gia vào các quỹ này sẽ được xác định sau khi ERPA được ký kết.

Quỹ phát triển bền vững toàn diện. Được thiết kế để đáp ứng các khuyến nghị liên quan đến bình đẳng giới. Quỹ này nhằm thúc đẩy các cơ chế tài chính tích cực cho việc bảo tồn và quản lý bền vững rừng, mang lại lợi ích bình đẳng cho phụ nữ và nam giới, xem xét các yêu cầu và mong đợi của phụ nữ là chủ rừng và những người không phải chủ rừng do vậy không nhận tài trợ. Quỹ cũng hướng tới xây dựng hệ thống Nông lâm kết hợp CREF hoặc PES đồng thời phân bổ nguồn lực và thiết lập quy trình hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, tư vấn đàm phán hỗ trợ cho các nhà sản xuất sẽ nhận được tài trợ từ Quỹ

Quỹ kinh doanh xanh có mục tiêu thúc đẩy sự phát triển của các công ty hướng tới phương thức sản xuất và bán hàng thân thiện với môi trường, đồng thời có trách nhiệm với xã hội thông qua việc cung cấp các lựa chọn tài chính cho nam giới và phụ nữ trên toàn quốc để phát triển các doanh nghiệp. Quỹ Doanh nghiệp Xanh đã được FUNBAM quản lý từ năm 2017, với mục tiêu chính là hỗ trợ Chương trình Hành lang Sinh học Quốc gia của SINAC.

Bảng 6. Ước tính sơ bộ về cơ chế chia sẻ lợi ích

Hạng mục	%
Mức chi trả tối đa cho giảm phát thải (60,000, 000 USD)	100
Quỹ đầu tư để đảo ngược	5
Chi phí giám sát	1
Phí hoạt động	3
Chủ sở hữu ERs	91
SINAC	36
FONAFIFO	21
Di sản thiên nhiên bang (PNE) thuộc sở hữu của các tổ chức khác	1
Người bản địa	9
Chủ rừng là thành viên của các tổ chức, chủ khu bảo tồn tư nhân và chủ đất rừng cá nhân	24
Tài trợ cho các cơ chế chia sẻ lợi ích	91
Quỹ phát triển bền vững toàn diện	2
Quỹ kinh doanh xanh	2
Kế hoạch tăng cường SINAC	34
Cơ chế CREF	53

Nguồn: FCPF & Chính phủ Ghana 2019

Bảng 3. Tiếp trang trước

4. Ivory Coast	<ul style="list-style-type: none"> • 85% tổng số tiền được chuyển cho người hưởng lợi trực tiếp bao gồm: (i) 24 hợp tác xã nông dân sản xuất ca cao trong các khu rừng phân loại (CF); (ii) 50 hiệp hội nông dân, (iii) 971 hợp tác xã ca cao hoạt động ở khu vực nông thôn thôn ; (iv) Công ty phát triển rừng (SODEFOR) chịu trách nhiệm quản lý 24 CF; (v) Văn phòng VQG và Khu bảo tồn Ivorian (OIPR) (vi) và 3 tổ chức phi chính phủ về bảo tồn làm việc cùng với OIPR để bảo vệ các Vườn Quốc gia. Người thụ hưởng trực tiếp sẽ được hưởng lợi bằng cách nhân tỉ lệ % cố định cho từng đối tượng đã được đề sẵn trong kế hoạch chia sẻ lợi ích với mức hiệu suất thực hiện hoạt động thực tế của họ • 15% được chuyển cho người thụ hưởng gián tiếp là các tổ chức chịu trách nhiệm về Quản trị ERP: Ban thư ký điều hành REDD+ (SEP-REDD), Quỹ cho các Công viên và Khu bảo tồn Côte d'Ivoire (FPRCI) và Công ty Điện thoại Di động được lựa chọn để chuyển tiền cho những người thụ hưởng cá nhân, Ban ca cao (Conseil Café-Cacao); Bộ Nước và Rừng; Cơ quan quyền sử dụng đất (AFOR); trường bản theo phong tục truyền thống. Người thụ hưởng gián tiếp sẽ nhận được tiền chi trả theo các hoạt động liên quan đến giảm phát thải • Người hưởng lợi: (i) các cơ quan nhà nước và chính quyền có nhiệm vụ giảm mất rừng và suy thoái rừng, thông qua quản lý, bảo tồn và tái sinh rừng bền vững; (ii) các tổ chức hoặc cá nhân tham gia vào các hoạt động góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc giảm phát thải KNK do mất rừng hoặc suy thoái rừng, bao gồm nông lâm kết hợp, tái sinh tự nhiên và trồng rừng trong khu vực ERP; (iii) thành viên của các nhóm và hiệp hội cộng đồng nông thôn được công nhận có sinh kế phụ thuộc vào một trong những khu rừng nằm trong khu vực ERP và có thể chứng minh sự hiện diện hơn hai năm trong khu vực, (iv) người hưởng lợi phải ký các thỏa thuận với Ủy ban REDD+ Quốc gia để thực hiện chương trình hoạt động và với FPRCI chịu trách nhiệm quản lý các khoản thanh toán • Phân bổ thanh toán sẽ dựa trên (i) lập bản đồ hoạt động của tất cả các bên liên quan trong khu vực chương trình; (ii) hiệu quả thực hiện từng hoạt động đã được đề ra; (iii) ước tính mức độ đóng góp của các bên liên quan vào việc đạt được các kết quả chính của chương trình; và (iv) những đóng góp của cộng đồng địa phương đối với sự phát triển của địa phương
5. Vietnam	<p>Mặc dù đã có những ý tưởng ban đầu về cơ chế chia sẻ lợi ích, cho tới nay cơ chế chia sẻ lợi ích liên quan tới ERPA tại Việt Nam vẫn đang được Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn xem xét và hoàn thiện</p>
6. Indonesia	<p>Người hưởng lợi bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các tổ chức chính phủ liên quan đến xây dựng chính sách và quản lý chương trình ở cả trung ương và địa phương bao gồm Cơ quan Vườn quốc gia / Đơn vị Quản lý Bảo tồn, người quản lý các khu bảo tồn ở cấp địa phương (Đơn vị thực hiện kỹ thuật của MoEF ở cấp địa phương); Các đơn vị quản lý rừng (FMU) quản lý đất lâm nghiệp thuộc chính quyền địa phương; và các chính quyền thôn bản có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các hoạt động giảm phát thải • Vai trò và trách nhiệm của các cấp chính quyền khác nhau tuân theo các luật và quy định hiện hành ở Indonesia, trong đó phân định rõ thẩm quyền của chính quyền cấp quốc gia và cấp địa phương. Chính phủ quốc gia sẽ tham gia vào các biên bản thỏa thuận với các chính phủ địa phương để mô tả vai trò và trách nhiệm của từng cơ quan chính phủ • Khu vực tư nhân bao gồm các bên liên quan thực hiện các hoạt động ER, các công ty trồng trọt, bất động sản, các hộ sản xuất nhỏ và các hình thức nhượng quyền lâm nghiệp khác nhau như nhượng quyền khai thác gỗ (IUPHHK-HA), nhượng quyền rừng trồng (IUPHHK-HT), nhượng quyền phục hồi hệ sinh thái (IUPHHK RE), nhượng quyền khai thác lâm sản ngoài gỗ (IUPHHBK) và nhượng quyền dịch vụ hệ sinh thái (IUPJL). Các công ty khu vực tư nhân và các bên liên quan sẽ chỉ được chi trả nếu họ thực hiện vượt quá mức tuân thủ và làm nhiều hơn các hoạt động kinh doanh thông thường của họ. Các công ty khai thác không phải là đối tượng được hưởng lợi vì họ sẽ không thực hiện bất kỳ hoạt động ER nào

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

- Các cộng đồng địa phương bao gồm Cộng đồng Adat sống bên trong hoặc gần các khu vực thực hiện các hoạt động phòng chống ER hoặc những người thực hiện các hoạt động phòng cháy chữa cháy hoặc giám sát rừng. Cộng đồng địa phương có thể là cộng đồng adat hoặc nhóm nông dân. Lợi ích có thể chuyển thẳng tới các nhóm cộng đồng (nếu họ đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện) hoặc thông qua chính quyền thôn bản theo các hoạt động của chương trình

Tiêu chí chi trả:

- Người thụ hưởng phải thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện các hoạt động của chương trình như được mô tả. Hiệu quả của người thụ hưởng trong việc thực hiện các hoạt động sẽ được xác nhận bằng cách sử dụng hệ thống Đo lường, Giám sát và Báo cáo (MMR) ở cấp địa phương và sẽ được xác minh bằng cách sử dụng hệ thống Giám sát, Báo cáo và Xác minh (MRV) ở cấp quốc gia để đảm bảo quyền lợi được phân phối cho các đối tượng hợp lệ
- Các cấp chính quyền đều đủ điều kiện để nhận được lợi ích từ Chương trình ER, theo các quy tắc và quy định hiện hành, với tư cách là cơ quan có thẩm quyền của quốc gia. Lợi ích ER cho chính phủ sẽ được chuyển trực tiếp cho cơ quan chính phủ
- Khu vực tư nhân phải có tư cách pháp nhân mới có thể được kí hợp đồng với các cơ quan chính phủ. Các công ty có giấy phép sử dụng đất hợp lệ có thể được các cơ quan chính phủ cấp tư cách pháp nhân thông qua các luật và nghị định. Giấy phép sẽ được xác nhận dựa trên cơ quan đăng ký của chính phủ
- Tất cả những người thụ hưởng sẽ đủ điều kiện nhận các lợi ích tiền tệ, ngoại trừ, khu vực tư nhân ở Đông Kalimantan đã quyết định chỉ nhận các lợi ích phi tiền tệ
- Khu vực tư nhân quan tâm nhiều hơn đến sự hỗ trợ của chương trình và Nhà nước trong việc tạo điều kiện để duy trì hoạt động kinh doanh của họ
- Đối với những người thụ hưởng khác, việc sử dụng các lợi ích tiền tệ sẽ được xác định thông qua các hợp đồng ER, trong đó sẽ chỉ rõ chi trả này sẽ được trả cho những hạng mục gì và không được sử dụng trong những hạng mục gì.

7. Lào

- 77% lợi ích sẽ được phân bổ dựa trên kết quả hoạt động cho các cộng đồng, các cơ quan chính phủ cấp địa phương và các sáng kiến thí điểm. Trong đó 90% thanh toán dựa trên hiệu suất ER ròng được phân bổ cho các cộng đồng nhưng chỉ dưới dạng lợi ích phi tiền mặt nhằm hỗ trợ các dự án phát triển cộng đồng và tỉ lệ chia sẻ phụ thuộc vào kết quả thực hiện (diện tích rừng tuân thủ các luật pháp và chỉ thực hiện các biện pháp được quy định; diện tích nông nghiệp tuân thủ các thực hành tốt và thân thiện với môi trường để giảm phát thải) so với đường cơ bản. Các quỹ sẽ được sử dụng để tài trợ cho cơ sở hạ tầng cộng đồng, giúp thiết lập các chương trình tài chính vi mô, các hoạt động sinh kế, và tăng cường tuần tra rừng và thực thi pháp luật. 5% của khoản thanh toán dựa trên hiệu suất ER ròng được phân bổ cho các cơ quan chính phủ địa phương như một biện pháp khuyến khích họ thực hiện công việc
- 18% sẽ được phân bổ vào chi phí hoạt động
- 5% cho kết quả đệm

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Bảng 7. Các loại hỗ trợ cho từng đối tượng thụ hưởng		
Người thụ hưởng	Các loại lợi ích	
	Tiền tệ	Phi tiền tệ
Các cơ quan chính phủ quốc gia	trang trải các chi phí hoạt động, quản lý hành chính và tài chính, hỗ trợ sự phối hợp giữa các ngành và trong cùng một Bộ	nâng cao năng lực trong các hệ thống quản lý tài chính, tăng cường thể chế quản lý, tăng cường quy hoạch sử dụng đất thông qua kiến thức và công cụ quy hoạch không gian, giao đất và hỗ trợ quá trình đăng kí
Các cơ quan chính phủ cấp địa phương	trang trải chi phí hoạt động liên quan đến việc thực hiện các hoạt động ER ở cấp hiện trường, bao gồm giám sát việc thực hiện các hoạt động ER do cộng đồng và các tổ chức tư nhân thực hiện	nâng cao năng lực giám sát và đào tạo cấp huyện và cấp thôn về Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF), FLEGT, nông nghiệp thông minh với khí hậu
Cộng đồng (bao gồm các thôn, nhóm nông dân, hợp tác xã, nhóm doanh nghiệp nữ)	hỗ trợ chi phí hoạt động cho Ủy ban Phát triển thôn bản	đào tạo về quản lý dự án, nâng cao nhận thức về pháp luật và cung cấp thông tin về cải thiện sinh kế, hỗ trợ giải quyết xung đột, mua trang thiết bị để cải thiện sinh kế, bảo đảm quyền sử dụng đất
Các sáng kiến thí điểm của Khu vực tư nhân	tài trợ các dự án	đào tạo nâng cao năng lực trong việc xây dựng đề xuất liên quan đến giảm thiểu biến đổi khí hậu và các kiến thức, kĩ năng thực tiễn để quản lí rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên
Các sáng kiến do Hiệp hội phi lợi nhuận (NpA) / CSOs đề xuất	các lợi ích tiền tệ được cấp nếu người đề xuất là các Viện Nghiên cứu Giáo dục đủ điều kiện đáp ứng các tiêu chí	đào tạo nâng cao năng lực tạo điều kiện liên quan đến việc thực hiện ER ở cấp tỉnh và cấp huyện

Nguồn: FCPF & Chính phủ Lào (2020)

8. Fiji

- Tiêu chí phân bổ lợi ích cho từng đối tượng thụ hưởng: Có quyền hợp pháp đối với Các-bon và tạo điều kiện / kích hoạt kết quả (ví dụ: chính phủ, khu vực tư nhân, các tổ chức phi chính phủ, v.v.); có chi phí phát sinh khi thực hiện các hoạt động ER-P; người quản lý nguồn lực (cộng đồng duy trì / hỗ trợ chung các hoạt động REDD+) và những người có hành vi cần thay đổi
- Các bên hưởng lợi bao gồm: khu vực tư nhân; cộng đồng, nông dân quy mô nhỏ, Quỹ ủy thác quốc gia và của NGO, hội đồng cấp tỉnh/huyện
- Một chủ đất muốn trở thành người thụ hưởng ER-P sẽ cần đảm bảo rằng khu đất được đề xuất để thực hiện các hoạt động REDD+ không bị cản trở bởi giấy phép khai thác gỗ, hoặc cho thuê rừng
- Trong bối cảnh của ER-P, tất cả những người hưởng lợi phải đăng ký với Bộ Tài chính thông qua việc cấp Giấy phép REDD+ phù hợp với các yêu cầu của Dự luật Lâm nghiệp và Dự luật về Biến đổi khí hậu. Yêu cầu bổ sung đối với việc cấp Giấy phép REDD+ bao gồm việc thực hiện các quy trình vận hành tiêu chuẩn bao gồm đánh giá kỹ thuật về hoạt động REDD+ được đề xuất, nộp giấy chủ quyền đất, bằng chứng cư trú, chi tiết tài khoản ngân hàng và mã số thuế. Cơ chế Chia sẻ lợi ích sẽ sử dụng giấy phép REDD+ làm cơ sở để phân bổ lợi ích

Bảng 3. Tiếp trang trước

	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Khoáng sản Chia sẻ Công bằng năm 2018 yêu cầu không ít hơn 80% số tiền có được từ các khoản thu từ ER phải chuyển đến người hưởng lợi • Phân bổ theo các tình huống thực hiện giảm phát thải khác nhau: 100% hiệu suất; 50% dưới hiệu suất; hiệu suất 150% với sự điều chỉnh của Quỹ dự phòng
9. Nepal	<ul style="list-style-type: none"> • Chính phủ xác định 4 nhóm người hưởng lợi từ các khoản chi trả ER dựa trên sự kết hợp của các tiêu chí, bao gồm các yếu tố thể chế, các hoạt động ER, mức độ phụ thuộc vào rừng và công bằng xã hội bao gồm: (i) chính phủ (Văn phòng Lâm nghiệp - DFO); (ii) các nhóm rừng cộng đồng (cộng đồng địa phương, cộng tác và phối hợp giữa các bên, cho thuê, vùng đệm và rừng tôn giáo); (iii) chủ rừng tư nhân; và (iv) các hộ gia đình và cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng không thuộc một nhóm rừng. Những người thụ hưởng quan trọng khác được đề xuất là các nhóm người dân tộc thiểu số (IP) dễ bị tổn thương (chẳng hạn như Raute, Bote-Majhi, Musahar, Chepang, Raji, Tharu và Dalits); người tàn tật, người Hồi giáo, người Madhesis, người nghèo; phụ nữ thuộc các nhóm rừng do cộng đồng quản lý; và các IP quản lý rừng theo thông lệ • Tiền thu được từ Quỹ Các-bon sẽ trang trải chi phí hoạt động (5%) và chi phí giao dịch (10%), 80% sẽ được giải ngân dưới dạng phân bổ dựa trên kết quả hoạt động cho người thụ hưởng • Trong tổng số phân bổ dựa trên kết quả thực hiện, 94% (hoặc 75% tổng chi trả ER) sẽ liên quan đến việc chi trả bằng tiền cho các nhóm rừng do cộng đồng quản lý, cộng đồng quản lý rừng theo tập quán và các cơ quan chính phủ dựa trên tổng diện tích rừng (ha) nơi có các hoạt động đang được thực hiện và Kế hoạch đầu tư do các nhóm sử dụng rừng xây dựng • 5% trong tổng thu sẽ được chi trả dựa trên hiệu thực hiện chương trình của các chủ rừng tư nhân dưới hình thức hiện vật bao gồm hàng hóa (cây giống) và dịch vụ (đầu vào kỹ thuật) để bảo vệ và tăng trưởng rừng trên đất (tư nhân) của họ • 5% còn lại trong tổng số tiền chi trả ER sẽ phân bổ cho các hộ gia đình sống phụ thuộc vào rừng và các cộng đồng không thuộc một nhóm chủ rừng. Các lợi ích phi tiền tệ sẽ được phân phối dưới dạng hàng hóa và dịch vụ để hỗ trợ sinh kế của họ, do đó giảm sự phụ thuộc của họ vào rừng • 10% khoản thanh toán ER đã được phân bổ để trang trải các chi phí của các hoạt động liên quan đến MRV; duy trì và vận hành cơ sở dữ liệu về các-bon rừng; đánh giá, thực hiện và giám sát các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội; thực hiện và giám sát Chương trình ER; và giải quyết các khiếu nại và khiếu kiện liên quan đến chia sẻ lợi ích. Nguồn vốn nhận được trong bối cảnh này được đầu tư vào các Ban quản lý dự án ở cấp liên bang (REDD IC), cấp tỉnh (REDD-Desk) và cấp địa phương (DFO), dựa trên phạm vi của các hoạt động được thực hiện ở các cấp tương ứng) • Các hoạt động không được nhận chi trả bao gồm: các mô hình độc canh, sử dụng các loài cây ngoại lai và/hoặc các loài tiêu thụ nhiều nước, sử dụng các loài cây không phù hợp với địa điểm, hoạt động có tác động xấu đến môi trường và xã hội, các hoạt động trong khu vực điểm nóng, môi trường sống quan trọng/đa dạng sinh học, các khu bảo vệ nghiêm ngặt, các hoạt động liên quan đến tái định cư không tự nguyện, các hoạt động liên quan đến việc sử dụng đáng kể thuốc trừ sâu hóa học, chặt cây trong khi thu hoạch, xây dựng đường trong rừng và sử dụng quỹ để mua thiết bị thu hoạch như máy cưa • Các nhóm sử dụng rừng sẽ phải tuân theo Luật Lâm nghiệp quy định rằng 25% tổng thu nhập từ rừng cộng đồng phải được dành cho các hoạt động phát triển, bảo tồn và quản lý rừng. Trong số 75% còn lại, một nửa nên dành cho việc xóa đói giảm nghèo, trao quyền cho phụ nữ và phát triển các doanh nghiệp dựa vào rừng (với sự tham vấn của chính quyền địa phương), nửa còn lại dành cho các hoạt động phúc lợi nhóm • 5% chi trả ER đã được phân bổ cho khối tư nhân để giảm chi phí trồng rừng và phát triển rừng tư nhân • Các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng sẽ nhận được các lợi ích phi tiền tệ phù hợp về hàng hóa (sản phẩm tạo thu nhập) và dịch vụ (đào tạo kỹ năng liên quan đến tạo thu nhập) dựa trên sở thích của hộ gia đình và nghề nghiệp hiện tại

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

10. DRC	<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cố định liên quan đến việc quản lý Chương trình ER được lấy ra từ các khoản thanh toán ERPA (hàng năm) để đảm bảo việc thực hiện đúng hạn • Chi trả hiện vật và lợi ích bằng tiền mặt dựa vào kết quả hoạt động của các bên liên quan trong chương trình (tiểu dự án) được đo bằng thực tế giảm phát thải (ER) đạt được so với mức tham chiếu • Các bên liên quan đến Chương trình ER đã đồng ý về năm tiêu chí sau đây đối với các khoản thanh toán ERPA: (i) Các khoản thanh toán cho các tiểu dự án sẽ dựa trên các mức tham chiếu đã thỏa thuận cho khu vực tiểu dự án; (ii) Các khoản thanh toán sẽ được thực hiện trực tiếp cho các chủ sở hữu tiểu dự án tư nhân; (iii) Các chủ sở hữu tiểu dự án tư nhân nhận các khoản thanh toán cho khu vực chịu trách nhiệm giải trình của tiểu dự án của họ và sẽ chia sẻ lợi ích theo kế hoạch chia sẻ lợi ích đã được phê duyệt cho tiểu dự án; (iv) các khoản thanh toán bằng tiền mặt cho các chủ sở hữu tiểu dự án tư nhân lớn sẽ được giới hạn ở mức 25% giá trị ERPA để ưu tiên các dòng tài chính cho cộng đồng và các khu công nghiệp; (v) Các chủ sở hữu tiểu dự án lớn đủ điều kiện nhận ERs bằng hiện vật tương ứng với ERs được tạo ra so với mức tham chiếu của tiểu dự án của họ và không được bồi thường theo điểm 3 ở trên • Khi người thụ hưởng là các cộng đồng và cộng đồng người dân tộc thiểu số (IP), các khoản thanh toán sẽ được gửi vào một quỹ REDD, gọi tắt là FONAREDD, do Văn phòng Quỹ Ủy thác đa đối tác của Liên hợp quốc (MPTF-O) quản lý, cho đến khi các dự án REDD+ mới mang lại lợi ích cho cộng đồng và các người dân tộc thiểu số (IP) được xác định. Chương trình khuyến khích cộng đồng thông qua chi trả dựa trên kết quả để bảo vệ rừng đã được thử nghiệm ở quy mô nhỏ với các hợp đồng Chi trả cho Dịch vụ Môi trường (PES) • Các dự án tư nhân lớn có thể nhận thanh toán trực tiếp từ Quỹ FCPF để giảm thiểu chi phí giao dịch và khuyến khích các nhà đầu tư mới tham gia. Trong Giai đoạn 2 của cơ chế chia sẻ lợi ích (BSP) các thỏa thuận thay thế có thể được xem xét để phản ánh các cơ hội và rủi ro đối với các loại hình công ty đa dạng. Một trong những tiêu chí BSP được các bên liên quan nhất trí là thanh toán bằng tiền mặt cho các chủ dự án tư nhân lớn sẽ được giới hạn ở mức 17,5% giá trị ERPA để ưu tiên dòng tài chính cho cộng đồng. Đối lại, các chủ dự án đó đủ điều kiện nhận chi trả bằng hiện vật, tương ứng với các ER được tạo ra so với mức tham chiếu mà họ đã không được bồi thường thông qua thanh toán bằng tiền mặt • Việc chi trả cũng được xây dựng theo các kịch bản hiệu suất thực hiện của các chương trình 100%, 50% và 10%
11. Madagascar	<ul style="list-style-type: none"> • Quỹ REDD+ sẽ phân phối lợi ích Các-bon cho các bên hưởng lợi • Hầu hết các lợi ích Các-bon (ít nhất là 58%) sẽ dùng để tài trợ cho các hoạt động vừa mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương vừa phục vụ cho việc giải quyết vấn đề mất rừng và suy thoái rừng • Lợi ích Các-bon sẽ được phân phối cho các dự án Sáng kiến REDD+ đã được Cơ quan lý REDD+ xác nhận và dựa vào mức độ tham vọng giảm phát thải và mức độ hiệu quả thực hiện của các dự án Sáng kiến này • Một phần của lợi ích Các-bon bán được sẽ được sử dụng để tài trợ cho các cơ quan quản lý REDD+ (số tiền cố định, không được vượt quá 25% tổng lợi ích các-bon) • Lợi ích Các-bon cũng sẽ dùng để tài trợ cho các hoạt động khen thưởng (10%) cho các thành phố có “thành tích tiên phong” về Giảm phát thải. Các hoạt động khen thưởng này có thể dưới dạng hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho cộng đồng địa phương • 5% lợi ích Các-bon sẽ được giữ tại một khoản dự trữ để chi trả cho các nhiệm vụ quan trọng vận hành chương trình trong trường hợp không đạt hiệu suất, chẳng hạn như chi phí giám sát và quản trị. Trong trường hợp hoạt động khả quan, lợi ích Các-bon hiện có trong khu bảo tồn sẽ được tái đầu tư vào các hoạt động thực địa

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

12. Mozambique	<ul style="list-style-type: none"> • Việc thiết kế và thực hiện cơ chế chia sẻ của Chương trình ER phải tuân thủ các luật hiện hành có liên quan ở Mozambique, bao gồm các thỏa thuận và quyền tập quán. Đồng thời phải đảm bảo mức độ hiệu quả cao và minh bạch để thành công và khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan • Lợi ích được chia sẻ dựa trên kết quả hoạt động: chỉ khi việc giảm thiểu nạn phá rừng đã được xác minh trong khu vực Chương trình ER những người hưởng lợi mới nhận được tiền chi trả • Cộng đồng địa phương được kỳ vọng sẽ được hưởng lợi nhiều nhất: tỷ lệ lợi ích được phân bổ cho cộng đồng phải chiếm tỉ trọng lớn nhất, vì họ là những tác nhân chính và hành vi của họ (về sử dụng đất) cần phải thay đổi để đạt được mục tiêu phát thải • Nghị định 23/2018 về Quy chế mới cho các dự án và chương trình REDD+, được Hội đồng Bộ trưởng thông qua vào năm 2018 nêu rõ rằng tất cả các dự án và chương trình REDD+ sẽ phải trình bày một kế hoạch chia sẻ lợi ích và kế hoạch giám sát các lợi ích được chia sẻ trước khi chúng được cơ quan liên quan phê duyệt. Nghị định này quy định Quỹ Quốc gia về Phát triển Bền vững (FNDS) là cơ quan chịu trách nhiệm (i) phê duyệt các dự án và chương trình REDD+; và (ii) quản lý các khoản thanh toán Giảm phát thải từ REDD+ ở Mozambique. Do đó, FNDS chịu trách nhiệm quản lý tổng thể BSP hiện tại và chuyển các khoản Thanh toán ER cho những người thụ hưởng có liên quan. • Chi phí hoạt động để vận hành Chương trình ER và BSP của nó ước tính lên tới 500.000 USD mỗi năm. Các chi phí này bao gồm: (i) nhân sự và chi phí hoạt động để hỗ trợ và giám sát các hoạt động cộng đồng và các hoạt động ER do khu vực tư nhân thực hiện, (ii) nhân sự, thiết bị và chi phí hoạt động để giám sát việc thực hiện chương trình ER và thực hiện các biện pháp bảo vệ (iii) kiểm toán nội bộ, (iv) thông tin liên lạc và (v) thuế • Một nửa chi phí hoạt động (60% vào năm 2020 và 40% vào năm 2021) liên quan đến Chương trình ER và cơ chế chia sẻ lợi ích được mua bảo hiểm cho đến cuối năm 2021 • Hệ thống chia sẻ lợi ích dựa trên hoạt động và phối hợp của cả cấp quốc gia và cấp tỉnh • Người nhận tiền từ Quỹ Các-bon sẽ là Bộ Kinh tế và Tài chính Mozambique (MEF). Sau khi nhận được tiền, MEF sẽ chuyển tiền trang trải các chi phí hoạt động cố định và phòng tránh rủi ro bằng nội tệ thông qua Hệ thống Quản lý Tài chính Nhà nước (SISTAFE) cho Quỹ Quốc gia về Phát triển Bền vững (FNDS) – người đóng vai trò là người điều hành cơ chế chia sẻ lợi ích và có một tài khoản dành riêng cho cơ chế chia sẻ lợi ích này • MEF cũng sẽ chuyển khoản thanh toán ròng, sử dụng SISTAFE, như sau: 70% cho cộng đồng địa phương và 20% cho các sáng kiến của khu vực tư nhân cho FNDS, 2% cho Chính quyền tỉnh (DPTADER), 4% cho chính quyền cấp huyện và 4% đến Khu bảo tồn Quốc Gia <hr/> <ul style="list-style-type: none"> • FNDS lần lượt sẽ phân phối: 70% cho cộng đồng địa phương (10% cho một nhà cung cấp dịch vụ để xây dựng năng lực của cộng đồng địa phương và 90% sẽ được quản lý bởi FNDS cho các dự án cộng đồng thông qua kêu gọi đề xuất dự án); 20% cổ phần của khoản thanh toán ER cho các sáng kiến ER của khu vực tư nhân sẽ được gửi vào một tài khoản FNDS dành riêng cho các khoản tài trợ phù hợp, và sẽ do Đơn vị Tài trợ Phù hợp (MGU) quản lý và giữ lại một phần để dành cho phí quản lý và vận hành.
----------------	--

Nguồn: Thỏa thuận ký kết ERPA giữa Chính phủ các nước: Ghana 2019, Chile 2019, Costa Rica 2020, Ivory Coast 2020, Việt Nam 2020, Indonesia 2020, Lào 2020, Fiji 2021, Nepal 2021, DRC 2018, Madagascar 2021, Mozambique 2019 và Quỹ Các-bon

Mặc dù tần suất chi trả được coi là vấn đề thiết yếu trong cơ chế chia sẻ lợi ích, các quốc gia đều không cụ thể hóa điều này trong các văn kiện dự án hay chính sách về chia sẻ lợi ích mà phần lớn dựa trên kết quả của quá trình tham vấn và thương thảo với các bên có liên quan. Ngoài ra, tuy cùng phải thực hiện các yêu cầu quốc tế giống nhau, một số quốc gia đã có hệ thống chia sẻ lợi ích với tính năng khác biệt lớn so các nước khác. Ví dụ:

Làm rõ hoạt động nào, ở đâu, được phép và không được phép. Quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp bao gồm nhiều giai đoạn và được thực hiện bởi nhiều bên khác nhau. Chính sách và cách hiểu khác nhau cũng dẫn đến nhiều khái niệm và quy định còn chưa rõ ràng. Trong khi 100% quốc gia nhận được ERPA cho tới nay chỉ đề cập tới việc những ai, những hoạt động nào, ở đâu được nhận tiền chi trả, chỉ có Costa Rica đã xây dựng thêm những hạng mục hướng dẫn cụ thể hơn những ai, những hoạt động nào, ở đâu, trong trường hợp nào sẽ không được xem xét và nhận tiền chi trả. Việc cụ thể hóa này giúp cho các bên có liên quan bao gồm cả chính quyền cấp tỉnh và các người hưởng lợi hiểu rõ mình nên làm gì đồng thời giảm thiểu những tranh chấp sau này.

Đa dạng hóa các kênh chuyển tiền tới bên hưởng lợi. Từ nguồn thu chi trả giảm phát thải, Costa Rica đã xây dựng nhiều mô hình Quỹ hỗ trợ phát triển khác nhau đem lại lợi ích cho nhiều đối tượng.

Với các quốc gia đã ký ERPA, để nhận được thanh toán từ Quỹ Các-bon họ phải cụ thể hóa hệ thống chia sẻ lợi ích của mình trong văn kiện ERPA. Đối với các nước mới đang ở giai đoạn ERPD (Bảng 8), họ chỉ đưa ra những định hướng tổng quan chung sẽ giúp chính phủ thực hiện chia sẻ lợi ích mà chưa khẳng định các thông tin cụ thể rõ ràng. Tuy nhiên, với những gì đang

được đề xuất trong các văn kiện và thảo luận trên diễn đàn tham vấn với các bên có liên quan, các nước ERPD này cũng có xu thế giống các nước đã tới được giai đoạn ERPA (ví dụ như sử dụng mô hình quỹ ủy thác, kết hợp các mục tiêu môi trường và xã hội để làm điều kiện chi trả).

Tuy không tham gia vào ERPA, Brazil – 1 trong 2 quốc gia nhận tiền từ thỏa thuận song phương với Na Uy cũng đã chọn Quỹ Amazon, được đặt tại một ngân hàng để nhận tiền và chia sẻ lợi ích tới các bên có liên quan.

Quốc gia còn lại đã nhận chi trả dựa vào kết quả từ Na Uy – Guyana cũng có chương trình chia sẻ lợi ích đặc biệt và không giống các quốc gia nào trên thế giới. Với phương châm đảm bảo công bằng, chính phủ đã xây dựng cơ chế “Chọn tham gia” để chia sẻ lợi ích. Cơ chế này cho phép các làng bản địa riêng lẻ có thể quyết định tham gia các nỗ lực REDD+ hay không và theo dõi những thay đổi về độ che phủ rừng trên đất của họ. Chính phủ quốc gia và các làng/bản sau đó sẽ chia sẻ các khoản thanh toán cho qua cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái. Tuy vẫn còn trong quá trình thử nghiệm, các bên có liên quan cho rằng nguồn thu từ nước ngoài chi trả giảm phát thải và qua cơ chế PES được coi là ODA đã khiến chương trình này khó thực hiện và không nhận được sự đồng thuận của các bên có liên quan. Ngoài ra, với luận điểm hệ thống quốc gia chưa sẵn sàng để nhận và quản lý nguồn tài chính lớn Na Uy yêu cầu Guyana phải thông qua cơ chế bên thứ 3 quản lý (Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ). Tuy nhiên, điều này có nghĩa ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu của Na Uy thì Guyana còn phải đáp ứng các điều kiện bổ sung bao gồm cả các biện pháp đảm bảo an toàn của 2 bên trung gian khác. Điều này không những đã làm quá trình phức tạp hơn mà còn là nguyên nhân chính dẫn đến sự chậm trễ cho việc phân bổ lợi ích tới người hưởng lợi (Benn và cộng sự 2020).

Bảng 8. Chia sẻ lợi ích của các nước đang trong giai đoạn ERPĐ

Quốc gia	Chi tiết
Congo (Republic of)	<p>Việc chia sẻ lợi ích sẽ kết hợp các phương pháp tiếp cận dựa trên cả kết quả Các-bon và kết quả phi Các-bon:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Một số bên hưởng thụ sẽ chỉ nhận được chi trả dựa trên kết quả Các-bon tạo ra so với mức tham chiếu hoặc dựa trên các chỉ số gián tiếp ví dụ như diện tích (tính bằng ha) đất rừng được bảo vệ. • Đối với một số bên liên quan chính (cộng đồng địa phương và các tổ chức NGO), nhìn chung không thể hoặc quá tốn kém để đo lường và xác định kết quả carbon. Trong trường hợp này, chi trả sẽ không được tính trên kết quả Các-bon mà ghi nhận những đóng góp cụ thể của họ, chỉ dựa trên điều kiện pháp lý và / hoặc tác động của Chương trình giảm phát thải đối với quyền sở hữu, trách nhiệm, sinh kế hoặc các hoạt động khác.
Dominican Republic	<ul style="list-style-type: none"> • Chính phủ đang trong quá trình hoàn thiện Kế hoạch Chia sẻ Lợi ích phù hợp với cách tiếp cận của Chương trình Giảm thiểu Phát thải, tuân thủ khuôn khổ pháp lý của quốc gia và năng lực thể chế và kỹ thuật, bao gồm cả về Đo lường, Báo cáo và Xác minh (MRV), đồng thời sẽ kết hợp các nguyên tắc sau: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Công bằng và bình đẳng: Kế hoạch phân bổ lợi ích sẽ khen thưởng những người hưởng lợi tùy theo đóng góp của họ vào việc đạt được các kết quả giảm thiểu, đồng thời khuyến khích sự tham gia ngày càng nhiều của phụ nữ và thanh niên vào các hoạt động REDD+. Quá trình ra quyết định cũng sẽ có sự tham gia công bằng của tất cả các bên liên quan ở tất cả các cấp ◦ Tính minh bạch: Kế hoạch phân bổ lợi ích sẽ có các điều khoản để đảm bảo rằng hoạt động minh bạch, yêu cầu công bố tất cả thông tin về các quyết định về việc phân bổ lợi ích đã được thực hiện, cũng như về việc chuyển giao các nguồn lực giữa những người thụ hưởng và về tất cả các lợi ích do Chương trình ER tạo ra. Tương tự, các thỏa thuận chia sẻ lợi ích sẽ đơn giản và dễ hiểu đối với tất cả các bên liên quan. ◦ Hiệu quả về chi phí: Kế hoạch phân bổ lợi ích sẽ xây dựng dựa trên các thể chế và năng lực hiện có để giảm thiểu chi phí hoạt động, do đó tối đa hóa lợi ích với các nhà phát triển các hoạt động REDD+. ◦ Đoàn kết: Kế hoạch phân bổ lợi ích sẽ công nhận một cách rõ ràng việc thu được các khoản thanh toán dựa trên kết quả phụ thuộc vào trách nhiệm chung của tất cả các bên liên quan. ◦ Cải tiến liên tục: Kế hoạch phân bổ lợi ích sẽ được định kỳ xem xét và sửa đổi khi cần thiết • Văn kiện hoặc chính sách Cơ chế chia sẻ lợi ích cũng sẽ có hướng dẫn và thông tin cụ thể về: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Thành lập và vận hành Cơ quan ra quyết định chia sẻ lợi ích; ◦ Quá trình ra quyết định có sự tham gia của các bên liên quan đến chia sẻ lợi ích cấp quốc gia; ◦ Cung cấp thông tin về Chương trình giảm phát thải (ER) và cơ chế chia sẻ lợi ích cho những người thụ hưởng tiềm năng; ◦ Các tiêu chí chung để lựa chọn người thụ hưởng; ◦ Yêu cầu tối thiểu đối với hợp đồng giữa bên thực hiện dự án với người thụ hưởng; ◦ Tuân thủ các tiêu chí liên quan từ Khung phương pháp, bao gồm cả về khả năng tiếp cận và tính toàn diện; ◦ Cung cấp thông tin cho Cơ quan đăng ký REDD+; ◦ Tuân thủ các yêu cầu có trong cơ chế chia sẻ lợi ích; ◦ Xem xét báo cáo của những người hưởng lợi, cả về việc thực hiện các hoạt động REDD+ và việc phân chia lợi ích và việc ưu tiên cho các lợi ích phi carbon; ◦ Các yêu cầu báo cáo và giám sát, liên quan đến việc thực hiện các hoạt động REDD+ và chia sẻ lợi ích với ưu tiên dành cho lợi ích phi Các-bon ◦ Cơ chế Phản hồi và Giải quyết khiếu nại của Chương trình ER (FGRM); <p>Chính phủ Cộng hòa Dominica hiện đang xem xét đơn vị nào là phù hợp nhất để nhận và chuyển các khoản thanh toán từ Quỹ Carbon cho bên thực hiện dự án. Giải pháp chính đang được xem xét là Bộ Tài chính tiếp nhận các nguồn lực đó từ Quỹ Các-bon và chuyển chúng đến Quỹ Quốc gia về Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên (MARENA), sau đó sẽ lần lượt phân bổ cho các đơn vị thực hiện chương trình. Để chuyển số tiền thu được từ Quỹ Các-bon cho người thụ hưởng (IEs), MARENA sẽ thiết lập một tài khoản cho Chương trình giảm phát thải bao gồm các tài khoản phụ cho mỗi bên thực hiện chương trình. Các bên thực hiện chương trình sẽ chia sẻ lợi ích cho những người hưởng lợi cuối cùng theo nhiều cách khác nhau dựa trên sự thỏa thuận giữa những người hưởng lợi và các cơ quan có thẩm quyền và chính phủ.</p>

Bảng 8. Tiếp trang trước

Quốc gia	Chi tiết
Guatemala	<p>Chia sẻ lợi ích ERP sẽ được điều chỉnh bởi sáu nguyên tắc chung:</p> <ol style="list-style-type: none"> i. Công bằng: Chia sẻ lợi ích sẽ tỷ lệ thuận với sự đóng góp của mỗi người hoặc nhóm người hưởng lợi vào việc giảm phát thải. Các quyết định về việc phân phối nguồn lực này sẽ được thực hiện với sự tham gia của tất cả các bên liên quan ii. Tính minh bạch: Các lợi ích sẽ được chia sẻ theo các quy tắc, thủ tục rõ ràng và công chúng có thể tiếp cận được. Báo cáo về việc phân chia lợi ích sẽ được phát hành định kỳ và sẽ được công bố rộng rãi. Việc phân chia lợi ích sẽ phải được kiểm tra định kỳ và có trách nhiệm giải trình iii. Ghi nhận những đóng góp cho quá trình REDD+ trong nước: Việc chia sẻ lợi ích sẽ tính đến sự đóng góp của các bên liên quan khác nhau đối với sự phát triển và thực hiện các hoạt động REDD+ trong nước, bao gồm mức tham chiếu, hệ thống MRV và hệ thống bảo đảm an toàn iv. Đoàn kết: Chia sẻ lợi ích sẽ được thực hiện theo cách để đảm bảo sự thành công của Chương trình Giảm phát thải nói chung thông qua sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các bên liên quan khác nhau, đặc biệt trong những tình huống bất khả kháng có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của một số bên v. Cải tiến liên tục: Kế hoạch chia sẻ lợi ích (BSP) sẽ thiết lập các biện pháp để đảm bảo rằng việc phân phối lợi ích được cải thiện liên tục dựa trên kinh nghiệm thu được trong quá trình thực hiện và sự cải tiến của hệ thống MRV vi. Hiệu quả: Để thực hiện việc phân phối lợi ích, cơ sở hạ tầng, thủ tục hành chính và nguồn lực hiện có sẽ được sử dụng bất cứ khi nào có thể, nhằm giảm thiểu chi phí vận hành của Kế hoạch chia sẻ lợi ích và do đó, tối đa hóa nguồn tiền dành cho người hưởng lợi <p>Việc chi trả sẽ được thực hiện dựa vào các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◦ Đóng góp vào việc giảm phát thải và tăng trữ lượng Các-bon rừng: đây là tiêu chí chia sẻ lợi ích chính và được đo lường bằng tấn CO₂ được giảm thiểu bởi các hoạt động ERP REDD+. Tuy nhiên, trong trường hợp thông tin sẵn có và hệ thống MRV không thể ước tính mức giảm phát thải (ví dụ, khi chúng được tạo ra ở các khu vực quá nhỏ), đóng góp sẽ được ước tính bằng cách sử dụng diện tích khu vực mà các hoạt động REDD+ đã được thực hiện trong khoảng thời gian xác định. ◦ Đóng góp vào sự phát triển REDD+ trong nước: nhằm ghi nhận nỗ lực của các bên liên quan phi chính phủ và tư nhân nhằm tạo ra các điều kiện cần thiết trong nước để triển khai ERP, bao gồm sự tham gia của họ trong việc tạo ra các yếu tố giảm phát thải, dữ liệu hoạt động, thông tin về xã hội và môi trường. ◦ Sự đoàn kết: Tiêu chí này nhằm phản ánh một thực tế rằng, việc đạt được lợi ích cho từng dự án, chương trình và những người thụ hưởng tiềm năng từ ERP sẽ phụ thuộc vào kết quả hoạt động chung và đồng thời cung cấp các động lực để hỗ trợ những người có hiệu suất bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng (ví dụ: các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt, sâu bệnh, hỏa hoạn, v.v.) trong thời gian nhận được kết quả thanh toán. Để đạt được mục tiêu này, một cơ chế sẽ được thiết lập (ví dụ: tỷ lệ phần trăm trợ cấp trong khoảng thời gian xảy ra các sự kiện bất khả kháng, hoặc quỹ dự phòng) qua đó những người thụ hưởng tiềm năng bị ảnh hưởng có thể được hỗ trợ

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 8. Tiếp trang trước

Quốc gia	Chi tiết
	<p>Cơ chế chia sẻ lợi ích ERP sẽ được xây dựng dựa trên các kênh hiện có trong các chương trình của chính phủ và các dự án REDD+. Việc kí kết các thỏa thuận hoặc hợp đồng với các bên hưởng lợi, chuyển giao quyền Các-bon và công nhận trách nhiệm báo cáo liên quan đến việc chia sẻ lợi ích được thực hiện theo cách sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◦ Đối với các trường hợp đang thực hiện cơ chế bồi thường cho các dịch vụ hệ sinh thái và môi trường gắn với rừng được thiết lập theo Luật PROBOSQUE, Cơ quan lâm nghiệp quốc gia (INAB) sẽ ký hợp đồng với người thụ hưởng hoặc đại diện của họ trong khuôn khổ cơ chế bồi thường; ◦ Trong trường hợp các dịch vụ môi trường đã được chuyển nhượng cho một bên khác (ví dụ cho dự án), Ban quản lý các khu bảo tồn (CONAP) sẽ phụ trách việc ký kết các hợp đồng này; ◦ Đối với các dự án REDD+, hợp đồng sẽ được ký trực tiếp với Ban Giám đốc Tài chính của MINFIN; Thông tin trong các hợp đồng này sẽ được chuyển tới MINFIN để chuyển đến Cơ quan đăng ký REDD+ do MARN quản lý, nhằm cung cấp sự minh bạch về người và lĩnh vực liên quan, cũng như các hoạt động được thực hiện và khả năng Chính phủ Guatemala chuyển các mức giảm phát thải do họ tạo ra, cũng như để tránh tính lặp lại các khu vực, hoạt động, người tham gia và mức giảm phát thải; <ul style="list-style-type: none"> • Để vận hành cơ chế chia sẻ lợi ích, MINFIN được đề xuất là người nhận các khoản thanh toán cho các kết quả từ Quỹ Các-bon. Sau đó cơ quan này sẽ chuyển trực tiếp nguồn lực này cho những người thụ hưởng CONAP và INAB và các dự án REDD+ • Một phần (được xác định) của các khoản thanh toán cho kết quả nhận được sẽ được chuyển đến INAB, CONAP và MARN để giúp họ trang trải chi phí triển khai ERP • Mỗi chương trình và dự án sẽ nhận được các lợi ích theo quy trình tùy thuộc vào loại hình của dự án • Những người thụ hưởng ưu đãi về dịch vụ môi trường có thể được nhận một số lợi ích từ việc triển khai ERP. Để đạt được mục đích đó, một ủy ban phải được thành lập để quyết định việc sử dụng những lợi ích nào, cho ai và nhằm mục tiêu gì • Trong trường hợp các cơ chế đền bù cho các dịch vụ hệ sinh thái và môi trường gắn liền với rừng, việc chia sẻ lợi ích sẽ được xác định bởi các cơ quan quản lý áp dụng cho mục đích đó • Đối với các dự án cộng đồng, họ sẽ có thể sử dụng các kênh và quy trình ra quyết định về cơ chế chia sẻ lợi ích mà họ đã có nhưng nên tuân theo các nguyên tắc và tiêu chí do BSP thiết lập và báo cáo về cách thức phân phối lợi ích được thực hiện
Mexico	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSP) sẽ bao gồm ba cấp độ riêng biệt: quốc gia, tiểu bang và địa phương • CONAFOR, với tư cách là tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện Sáng kiến Giảm phát thải, sẽ nhận các nguồn lực tạo ra từ việc thanh toán cho các kết quả về giảm phát thải, thông qua Quỹ Lâm nghiệp Mexico. Số tiền chi trả cho các bang cũng dựa trên kết quả hoạt động giảm phát thải của họ và sẽ được chuyển thông qua quỹ hoặc quỹ tín thác của nhà nước hoặc khu vực, đồng thời phải tuân thủ một loạt các nguyên tắc cơ bản và tiêu chí hoạt động để đảm bảo hiệu quả và minh bạch đầy đủ. Chi phí vận hành cho các quỹ này (quốc gia và tiểu bang / khu vực) sẽ do chính phủ liên bang và chính quyền tiểu bang quyết định • Những người thụ hưởng tiềm năng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Chủ sở hữu rừng, bao gồm nhóm có tư cách pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu tài sản riêng ◦ Dân bản địa và cộng đồng có đất rừng ◦ Các nhóm hoặc người được Ejido hoặc hội đồng xã công nhận, hoặc có hình thức thỏa thuận được thiết lập với Ejidatarios hoặc Comuneros; người thuê tài sản riêng ◦ Những người không sở hữu tài sản nhưng sống ở Ejidos hoặc đất chung, bao gồm cả phụ nữ hoặc các nhóm phụ nữ có tổ chức, các nhóm thanh niên và những cư dân khác của các vùng đất cộng đồng hoặc các Ejidos ◦ Chủ sở hữu tài sản hoặc các nhóm thực hiện các hoạt động không liên quan đến rừng nhưng có ảnh hưởng đến rừng: chăn nuôi gia súc, nông nghiệp trồng trọt và du lịch

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 8. Tiếp trang trước

Quốc gia	Chi tiết
Nicaragua	<ul style="list-style-type: none"> • Người thụ hưởng của chương trình giảm phát thải là các bên đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực giảm mất rừng và suy thoái rừng, cũng như trong các can thiệp của Chương trình Giảm phát • Kế hoạch chia sẻ lợi ích sẽ thiết lập các hướng dẫn chung và một phương pháp luận để phân chia lợi ích ở cấp cộng đồng và từng cá nhân để dòng tiền này hướng các đơn vị hưởng lợi tới việc xây dựng năng lực và chiến lược sử dụng đất và quản lý tài nguyên rừng tốt hơn . • Cơ chế chia sẻ lợi ích sẽ phân bổ theo quy tắc sau: <ul style="list-style-type: none"> ◦ 5% sẽ được chuyển tới Chính quyền khu vực tự trị của Bờ biển Bắc Ca-ri-bê của Nicaragua (GRACCN); ◦ 3% sẽ được phân phối cho Chính quyền khu vực tự trị của Bờ biển Nam Ca-ri-bê (GRACCS); ◦ 1% của các khoản thanh toán ròng sẽ được phân phối cho Đặc khu AWB, bao gồm các vùng lãnh thổ Mayangna Sauni Bu, Miskitu Indian Tasbaika Kum, và Kipla Sait Tasbaika; ◦ 2% của các khoản thanh toán ròng sẽ được chuyển đến SINAP; ◦ 69% thanh toán ròng sẽ được phân phối cho 23 lãnh thổ và cộng đồng của các Dân tộc bản địa; ◦ 20% các khoản thanh toán ròng sẽ được phân phối cho các nhà sản xuất quy mô nhỏ
Peru	<ul style="list-style-type: none"> • Những người thụ hưởng tiềm năng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Những người tham gia có tác động trực tiếp (Ví dụ: các cơ quan nhà nước hoặc người nắm quyền sở hữu tài nguyên rừng thúc đẩy các hành động nhằm tăng cường bảo tồn rừng hoặc tránh phá rừng thông qua việc quản lý hoặc đồng điều hành hệ thống khu bảo tồn quốc gia), nhượng quyền rừng, nhượng quyền bảo tồn, du lịch sinh thái và rừng địa phương. Như đã nêu trong Quy định về Luật Rừng, những người có quyền sở hữu rừng có quyền tiếp cận các cơ chế Chi trả các dịch vụ hệ sinh thái rừng ◦ Những người tham gia có tác động gián tiếp là các bên trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia vào các hoạt động Sản xuất-Bảo vệ-Hòa nhập (PPI), những người trực tiếp (như một điều kiện của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng) hoặc gián tiếp giảm nạn phá rừng (ví dụ, thâm canh nông nghiệp giảm nhu cầu khai phá rừng mới). Những người tham gia này bao gồm các nhà sản xuất có hợp đồng nhượng quyền sử dụng cho các hệ thống nông lâm kết hợp, tái trồng rừng và các bên tham gia chuỗi giá trị như người mua, nhà chế biến, nhà phân phối, những người có hành động thúc đẩy sự phát triển ít phát thải trong khu vực kế toán ◦ Cộng đồng dân cư bản địa. Chương trình ghi nhận nỗ lực của các cộng đồng bản địa trong việc bảo tồn rừng và giám sát địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch phát triển cộng đồng, quản lý rừng cộng đồng đối với gỗ hoặc các sản phẩm ngoài gỗ ◦ Các cơ quan hành chính sự nghiệp ở các cấp <p data-bbox="336 1397 1442 1462">Hiện nay Chính phủ Peru đang xem xét tới các mô hình Quỹ ủy thác để phân chia lợi ích tới các bên có liên quan</p>

Nguồn: FCPF và chính phủ Cộng Hòa Congo (2018), FCPF và chính phủ Dominican Republic (2019), FCPF và chính phủ Guatemala (2019), FCPF và chính phủ Mexico (2017), FCPF và chính phủ Nicaragua (2019), FCPF và chính phủ Peru (2019).

7 Các biện pháp đảm bảo an toàn

Cơ chế chia sẻ lợi ích cũng như các biện pháp bảo đảm an toàn cũng phải phù hợp với bối cảnh quốc gia và phải được xây dựng dựa trên dựa trên đánh giá: i) rủi ro để thiết lập mức độ ưu tiên, ii) xem xét dữ liệu hiện có (và có thể truy cập được), và (iii) năng lực của các bên có liên quan và thể chế hiện hành. Các quốc gia cũng hiện đang phải đối mặt với 3 thách thức lớn trong việc liên kết cơ chế chia sẻ lợi ích với hệ thống thông tin về biện pháp bảo đảm an toàn.

i. **Hạn chế về cả nguồn lực tài chính và nguồn lực con người.** Hầu hết các quốc gia nghiên cứu đều có nguồn lực tài chính và nhân lực hạn chế để thiết kế và triển khai hệ thống các biện pháp đảm bảo an toàn. Một phần tiền chi trả từ Quỹ Các-bon đều được các quốc gia dùng để thuê chuyên gia thực hiện và giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn. Việc này thể hiện phần nào thực trạng thiếu hụt các chuyên gia liên quan đến vấn đề này và nguồn lực tài chính cần có để thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn. Mặc dù có nhiều chương trình và dự án nâng cao năng lực cho các bên liên quan trong nhiều năm qua về vấn đề này, nguồn nhân lực trong nước và tại các cơ quan nhà nước vẫn còn hạn chế.

ii. **Sự chông chéo giữa các tiêu chuẩn về biện pháp đảm bảo an toàn.** Trong thực tế, hiện nay các quốc gia nhận được nguồn tiền chi trả từ người mua nào (Ngân hàng thế giới, UN-REDD+, Quỹ khí hậu xanh, các thỏa thuận song phương, dự án tư nhân từ thị trường Các-bon tự nguyện và bắt buộc) thì phải tuân theo các biện pháp đảm bảo an toàn của người mua hàng. Việc Na Uy, nhà tài trợ lớn nhất về biến đổi khí hậu trên toàn cầu, đang ưu tiên xây dựng tiêu chuẩn ART-TREE¹ và tiêu chuẩn các biện pháp đảm bảo an toàn đối với giảm phát thải một mặt tạo ra cơ hội mới cho

việc nâng cao các yêu cầu và chuẩn mực của các biện pháp đảm bảo an toàn; một mặt khác gây ra sự lo ngại của các quốc gia đang thực hiện, ví dụ như trong trường hợp của Guyana.

iii. **Bình đẳng giới vẫn tiếp tục là một vấn đề bị xem nhẹ.** Mặc dù vấn đề bình đẳng giới được coi là một trong các vấn đề quan trọng trong cơ chế chia sẻ lợi ích và các biện pháp đảm bảo an toàn, kết quả rà soát tài liệu cho thấy vấn đề này chưa được quan tâm đúng mức. Cụ thể là trong 12 nước đã ký ERPA và 6 nước ở giai đoạn ERPD, chỉ có Costa Rica và Nepal là thể hiện rõ quan điểm và có các chính sách rõ rệt để đảm bảo vấn đề giới được thực hiện và giám sát đầy đủ. Tại Costa Rica, Quỹ kinh doanh xanh cung cấp các lựa chọn tài chính cho nam giới và phụ nữ trên toàn quốc để phát triển các doanh nghiệp. Tại Nepal, nhiều chính sách đã được ban hành đảm bảo sự tham gia của phụ nữ vào các cơ chế chia sẻ lợi ích, chẳng hạn như Hướng dẫn năm 2009 về Chương trình Phát triển Lâm nghiệp Cộng đồng, yêu cầu 35% thu nhập của các nhóm sử dụng rừng cộng đồng phải được phân bổ cho người nghèo và người bị thiệt thòi, bao gồm cả phụ nữ. Ngoài ra, Quỹ Ủy thác Các-bon Rừng của Nepal cung cấp các khoản thanh toán các-bon dựa trên tỷ lệ nam giới so với nữ giới và 15% Quỹ REDD+ cộng đồng được phân bổ cho các hoạt động trao quyền cho phụ nữ. Nhóm những người sử dụng lâm nghiệp cộng đồng Nepal (FECOFUN) cũng yêu cầu 50% ban chấp hành là phụ nữ và các vị trí chủ chốt được luân chuyển theo từng chu kỳ bầu cử để chống lại sự phân biệt đối xử về giới. Dù không tham gia ERPA, chính sách của Brazil cũng có quy định rõ ràng về việc đảm bảo lợi ích của phụ nữ khi tham gia vào chương trình Chi trả dịch vụ môi trường rừng chi trả trực tiếp cho phụ nữ để giảm lượng khí thải và đầu tư vào y tế và giáo dục. Brazil hiện cũng đang phát triển Cơ chế giải

1 <https://www.artredd.org/trees/>

quyết khiếu nại nhằm giải quyết các khiếu nại về việc phụ nữ bị đối xử bất bình đẳng trong các hoạt động của dự án REDD+ cũng như hiện đang nâng cấp Hệ thống đăng ký môi trường nông thôn quốc gia (Sistema de Cadastro Ambiental Rural, SICAR) để đảm bảo các nhóm yếu thế, bao gồm cả phụ nữ, có thể tiếp cận quyền sở hữu đất một cách bình đẳng.

Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy một số quốc gia đã có những sáng kiến được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, đặc biệt trong việc đảm bảo và nâng cao tác động của vấn đề xã hội và công bằng.

Quyền sở hữu và vấn đề công bằng xã hội. Cơ chế chia sẻ lợi ích phần lớn được dựa vào quyền sở hữu đất. Tuy nhiên, điều này gặp nhiều khó khăn khi các quốc gia đều gặp phải tình trạng tranh chấp đất đai và do hạn chế và kiến thức về pháp luật và tài chính, nhiều cộng đồng địa phương nghèo dễ tổn thương đã không thể có đủ điều kiện có giấy phép sử dụng đất. Mặc dù tất cả các văn kiện dự án đều đề cập tới rủi ro

này và nêu rõ các biện pháp đảm bảo an toàn sẽ được xây dựng để hạn chế tác động tiêu cực, chỉ có Costa Rica là xây dựng một kênh chia sẻ lợi ích chính thống chuyển tiền về nhóm người không có quyền sở hữu đất rõ ràng bởi họ đóng góp chính vào nỗ lực giảm phát thải. Kênh phân bổ lợi ích này không chỉ đem lại các lợi ích phi tiền mặt (mà phần lớn các nước áp dụng) mà còn tạo điều kiện thuận lợi để nhóm dễ tổn thương này có điều kiện tiếp cận với chi trả bằng tiền mặt.

Đoàn kết là tiêu chí chi trả. Xác định rủi ro rò rỉ phát thải (khi thực hiện các hoạt động giảm phát thải ở nơi này sẽ dẫn đến giảm phát thải ở nơi khác), Guatemala là quốc gia duy nhất đã xây dựng cơ chế các biện pháp đảm bảo an toàn sử dụng tiêu chí đoàn kết làm tiêu chí chi trả. Cụ thể hơn, tiêu chí này nhấn mạnh việc các tỉnh và các khu vực phải đoàn kết và gắn kết với nhau bởi chỉ một địa bàn có hiện tượng vi phạm sẽ dẫn đến việc toàn bộ các tỉnh thực hiện chương trình sẽ bị ảnh hưởng về mức chi trả và thậm chí sẽ phải góp lại cho tỉnh đó để bù trừ. Cơ chế này tạo ra một động lực kinh tế đồng thời đẩy mạnh sự hợp tác hiệu quả giữa các bên.

8 Thảo luận và đề xuất

Để đảm bảo cơ chế chia sẻ lợi ích được thành công, cơ chế này cần phản ánh tiếng nói và lợi ích đầy đủ của các bên liên quan và phải phù hợp với bối cảnh cụ thể của quốc gia/địa phương. Các chính sách và dự án REDD+ cũng như cơ chế chia sẻ không hoạt động riêng lẻ mà được vận hành cùng một lúc và song song với nhiều chương trình chính trị, kinh tế, môi trường và xã hội khác và do vậy cần phải hài hòa hóa với các chính sách này.

Tuy Việt Nam không thể áp dụng tất cả các mô hình chia sẻ lợi ích mà các quốc gia khác đang áp dụng, bài học kinh nghiệm từ các nước này đã chỉ ra một số nguyên tắc hướng dẫn chính có thể giúp Việt Nam hoàn thiện cơ chế chia sẻ lợi ích này (Bảng 9).

Bảng 9. Nguyên tắc cho việc thiết kế cơ chế chia sẻ lợi ích

Vấn đề then chốt	Nguyên tắc
Xem xét chi phí và lợi ích như thế nào trong cơ chế chia sẻ lợi ích	<ul style="list-style-type: none">• Cả chi phí và lợi ích liên quan đến việc thực hiện chính sách và hoạt động giảm phát thải và cơ chế chia sẻ lợi ích cần được phân tích để hiểu rõ về cả tác động tích cực và tiêu cực đối với các chủ thể và người hưởng lợi; từ đó xây dựng cơ chế tối đa hóa các tác động tích cực và giảm thiểu các tác động tiêu cực• Làm rõ các quyền Các-bon là bước đầu tiên để xác định cơ chế chia sẻ lợi ích. Điều này đòi hỏi phải làm rõ cơ chế hoạt động REDD+ cấp quốc gia và cấp địa phương; chủ sở hữu quyền Các-bon là ai, cơ chế chuyển quyền, trách nhiệm pháp lý nếu không thực hiện đúng như cam kết và hợp đồng• Cách xác định chi phí và lợi ích nên dựa trên quy trình ra quyết định toàn diện, trong đó tiếng nói của các bên về lợi ích và mối quan tâm của họ được lắng nghe và tính đến• Kết hợp thanh toán bằng hiện vật và tiền mặt cũng như các lợi ích Các-bon và phi Các-bon sẽ nâng cao hiệu quả và kết quả công bằng của chính sách và dự án giảm phát thải
Xác định người hưởng lợi	<p>Việc xác định người hưởng lợi REDD+ yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none">• Một khung pháp lý rõ ràng (ví dụ: quyền Các-bon) về ai sở hữu những gì và những quyền và trách nhiệm nào được gắn với họ• Ghi nhận và phân tích các luận điểm các bên đưa ra liên quan đến cơ chế chia sẻ lợi ích mà họ kì vọng, cũng như các cơ hội và trở ngại về chính trị, kinh tế và xã hội mà họ nhìn thấy• Quá trình ra quyết định có sự tham gia, nơi các bên có thể thảo luận và thương lượng về các giải pháp khác nhau để tiến tới một biện pháp tối ưu nhất
Các khuyến khích tài chính nên được thiết kế thế nào và các lợi ích sẽ chia sẻ ra sao ?	<ul style="list-style-type: none">• Kết hợp nhiều phương thức và kênh chuyển tiền dựa vào nhu cầu thực tiễn của các bên sẽ giúp lợi ích được chia sẻ công bằng và hiệu quả cho tất cả các nhóm có liên quan. Để hiểu được nhu cầu thực tiễn của người hưởng lợi, cần có quá trình tham vấn đầy đủ và toàn diện với các bên có liên quan

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 9. Tiếp trang trước

Vấn đề then chốt	Nguyên tắc
	<ul style="list-style-type: none"> • Khi có nhiều lựa chọn, cần đánh giá các lựa chọn này dựa trên nguyên tắc 3E (tính hiệu quả: giải pháp này là hiệu quả nhất về giảm phát thải ? tính hiệu ích về chi phí – giải pháp này ít tốn kém nhất và đem lại lợi ích nhiều nhất ? tính công bằng: giải pháp nào sẽ đảm bảo tính công bằng tương đối cho tất cả các bên) để có thể xác định giải pháp nào phù hợp với ai, trong bối cảnh nào
<p>Các biện pháp đảm bảo an toàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Với nguồn lực con người và tài chính hạn hẹp, các quốc gia nên ưu tiên các vấn đề nóng hổi cần giải quyết và dựa vào số tiền nhận được để thiết kế các hoạt động sao cho phù hợp với ngân sách hiện có • Chỉ xây dựng các chính sách và hệ thống đảm bảo an toàn sẽ không thể bảo vệ cộng đồng và nhóm dễ tổn thương hiệu quả. Các chính sách và biện pháp đảm bảo an toàn cần phải được đặt trong bối cảnh thể chế chính sách rộng hơn và cần nhiều chính sách đa ngành khác hỗ trợ • Quá trình chuyển tiền và lợi ích tới người hưởng lợi sẽ qua nhiều bước khác nhau và hệ thống đảm bảo an toàn phải đi theo dòng chảy tài chính, xây dựng các biện pháp theo dõi giám sát để tránh các tác động tiêu cực cũng như có quy trình đảm bảo tiền được đến với đúng người hưởng lợi, vào đúng thời gian quy định với đúng số tiền được nhận

9 Tài liệu tham khảo

- Angelsen A, Hermansen EAT, Rajão R and Hoff R van der. 2018. *Results based payment: Who should be paid, and for what?* In Angelsen A, Martius C, De Sy V, Duchelle AE, Larson AM and Pham TT, eds. *Transforming REDD+: Lessons and new directions*. p. 41–53. Bogor, Indonesia: CIFOR.
- Benn V, Pham TT, Moeliono M, Maharani C, Thomas R, Chesney P, Dwisatrio B, Ha CN. 2020. *The context of REDD+ in Guyana: Drivers, agents and institutions*. Occasional Paper 201. Bogor, Indonesia: CIFOR.
- [CONAF] National Forestry Corporation. 2019. *Benefit Sharing System from the National Strategy on Climate Change and Vegetation Resources, 3rd Edition*. Santiago. Chile 61 pp. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <https://www.forestcarbonpartnership.org/sites/fcp/files/2020/April/Advanced%20Draft%20BSP%20%28v3%29-Chile%20REDD%2B%20ER%20Program.pdf>
- Conservation Finance Alliance. 2010. *Report for the Conservation Finance Alliance National REDD+ Funding framework and achieving REDD+ readiness : findings from consultation*. Available at: https://www.pwc.com/id/en/publications/assets/redd_funding_frameworks.pdf
- Chính phủ Costa Rica. 2020. *Costa Rica - REDD+ Emission Reductions Program Project : Environmental Assessment: Benefit Sharing Plan (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://documents.worldbank.org/curated/en/785151594625278269/Benefit-Sharing-Plan>
- Chính phủ Cote d'Ivoire. 2020. *Cote d'Ivoire - Tai National Park Area Emission Reductions Payments Project : Benefit Sharing Plan (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://documents.worldbank.org/curated/en/415021598378594193/Cote-d-Ivoire-Tai-National-Park-Area-Emission-Reductions-Payments-Project-Benefit-Sharing-Plan>
- Chính phủ Fiji. 2020. *Fiji - Carbon Fund Emission Reductions Program : Benefit Sharing Plan (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://documents.worldbank.org/curated/en/138371588870709165/Fiji-Carbon-Fund-Emission-Reductions-Program-Benefit-Sharing-Plan>
- Chính phủ Ghana. 2020. *Ghana - Cocoa Forest REDD Emissions Reduction (ER) Programme : Benefit Sharing Plan (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://documents.worldbank.org/curated/en/631901587993144858/Benefit-Sharing-Plan>
- Chính phủ Indonesia. 2020. *Indonesia - East Kalimantan Project for Emissions Reductions Results : Benefit Sharing Plan (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://documents.worldbank.org/curated/en/542431592547491161/Benefit-Sharing-Plan>
- Chính phủ Lào. 2020. *Lao Peoples Democratic Republic - Northern Laos Emission Reductions Payments Project : Benefit Sharing Plan (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. <http://documents.worldbank.org/curated/en/888211593615661542/Benefit-Sharing-Plan>
- Chính phủ Madagascar. 2020. *Madagascar - Emission Reductions Program in Atiala-Atsinanana Project : Benefit Sharing Plan (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://documents.worldbank.org/curated/en/449861591950682225/Benefit-Sharing-Plan>
- Chính phủ Nepal. 2021. *Nepal - REDD Emission Reductions Program for Thirteen Terai Arc*

- Landscape Districts Project : Benefit Sharing Plan (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://documents.worldbank.org/curated/en/757781592998659529/Benefit-Sharing-Plan>
- Chính phủ Việt Nam. 2020. *Advanced Draft Benefit Sharing Plan for Vietnam's North Central Region (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://documents.worldbank.org/curated/en/676631550223032222/Advanced-Draft-Benefit-Sharing-Plan-for-Vietnam-North-Central-Region>
- [FCPF] Forest Carbon Partnership Facility. 2018. *Advanced Draft Benefit Sharing Plan for the Mai-Ndombe Emission Reductions Program in the Democratic Republic of Congo*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/BSP%20ER%20program%20Mai%20Ndombe_15%20June%202018_CLEAN.pdf
- FCPF và Chính phủ Chile. 2019. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Chile và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/FCPF%20Chile%20ERPA%20Tranche%20A-signed_2.pdf
- FCPF và Chính phủ Costa Rica. 2020. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Costa Rica và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/Costa%20Rica%20FCPF%20ER%20Program%20Tranche%20A%20and%20B.pdf>
- FCPF và Chính phủ Cộng Hoà Congo. 2018. *Chương trình giảm thiểu khí thải ở Sangha và Likouala, Cộng hòa Congo*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/Revised%20ER-PD_English_1.pdf
- FCPF và chính phủ Dominican Republic. 2019. *Thỏa thuận ký kết ERPD giữa chính phủ nước Dominican Republic và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/Version%20ERPD%2021%20Junio%202019_FINAL%20%282%29.pdf?fbclid=IwAR3Pmv-TutsH5MplOTYYjp6s2RpCLYaTeFLQxEe-sUwGLjn1Ugo882T2sQ
- FCPF và Chính phủ DRC. 2018. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước DRC và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/FCPF%20Carbon%20Fund%20Emission%20Reductions%20Payment%20Agreement%20-%20Tranche%20A%20and%20Tranche%20B_%20DRC_Signed_1.pdf
- FCPF và Chính phủ Fiji. 2020. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Fiji và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/Fiji%20FCPF%20ERPA%20Tranche%20A%20%26%20B.pdf>
- FCPF và Chính phủ Ghana. 2019. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Ghana và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/FCPF%20Carbon%20Fund%20Emission%20Reductions%20Payment%20Agreement%20-%20Tranche%20A%20and%20Tranche%20B_Ghana_signed.pdf
- FCPF và Chính phủ Guatemala. 2019. *Thỏa thuận ký kết ERPD giữa chính phủ nước Guatemala và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/Final%20ERPD%20280519V2clean%20b.pdf?fbclid=IwAR1WPEYM5i9IphG_6rjoJrnTlbCdKrzkdTxLl0aIilfbCZpzxMtQn5YsXKs
- FCPF và Chính phủ Indonesia. 2020. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Indonesia và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/FCPF%20Carbon%20Fund%20ERPA%20Tranche%20A%20%26%20B.pdf>
- FCPF và Chính phủ Ivory Coast. 2020. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Ivory Coast và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/Contract%20Tranche%20A%20and%20B.pdf>

- FCPF và Chính phủ Madagascar. 2021. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Madagascar và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/Signed%20Contract%20ERPA%20TF0B4710%20%26%20TF0B4711.pdf>
- FCPF và Chính phủ Mexico. 2017. *Thỏa thuận ký kết ERPD giữa chính phủ nước Mexico và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/_ENGLISH_6november_2017_Mx.pdf?fbclid=IwAR3EnfQusn6U_7NWEzJrLfAqtw6qexHOV0FUxifk5te4y3Usp7vyfAeoNw
- FCPF và Chính phủ Mozambique. 2020. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Mozambique và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/FCPF%20Carbon%20Fund%20ERPA_Tranche%20A_Mozambique_SIGNED.pdf
- FCPF và Chính phủ Lào. 2020. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Lào và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/FCPF%20Carbon%20Fund_ERPA_Tranche%20A_B%20Lao%20PDR%20Final%20Signed%20Dec%2030%202020.pdf
- FCPF và Chính phủ Nepal. 2021. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Nepal và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/FCPF%20Carbon%20Fund%20ERPA-Nepal%20Tranche%20B.pdf>
- FCPF và Chính phủ Nicaragua. 2019. *Thỏa thuận ký kết ERPD giữa chính phủ nước Nicaragua và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/ERPD_INGLES_310719_VF.pdf?fbclid=IwAR2oiO4_NuAgQgKBPaAEzomySakK1AVnfo3tCQZAp0_f7zVYCbfsnb-vRU
- FCPF và Chính phủ Peru. 2019. *Thỏa thuận ký kết ERPD giữa chính phủ nước Peru và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/ERPD%20PERU%20Final.pdf?fbclid=IwAR1lmEulc4qrFi_0D1f-bxNODCNr5GhIgaGv6DaPkJH0qurWidJgR5D0w_Q
- FCPF và Chính phủ Việt Nam. 2020. *Thỏa thuận ký kết ERPA giữa chính phủ nước Việt Nam và The Forest Carbon Partnership Facility FCPF*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. https://www.forestcarbonpartnership.org/system/files/documents/FCPF_ERPA_Tranche%20A-B_Vietnam_Signed.pdf
- Ickowitz, A., Sills, E. and de Sassi, C. 2017. Estimating smallholder opportunity costs of REDD+: A pantropical analysis from households to carbon and back. *World development*, 95, pp.15-26. Rakatama, A., Pandit R, Ma Chunbo and Iftekhar S. 2016. The costs and benefits of REDD+: A review of the literature. *Forest Policy and Economics*, vol. 75, issue C, pp.103-111.
- Merger, E., Held, C., Tennigkeit, T. and Blomley, T. 2012. A bottom-up approach to estimating cost elements of REDD+ pilot projects in Tanzania. *Carbon Balance and Management*, 7(1), p.9.
- Pham, T.T., Brockhaus, M., Wong, G., Dung, L.N., Tjajadi, J.S., Loft, L., Luttrell, C., Mvondo, S.A. 2014. Các phương án tiếp cận chia sẻ lợi ích: Kết quả so sánh sơ bộ tại 13 nước đang thực hiện REDD+. Báo cáo chuyên đề số 141. Bogor, Indonesia: CIFOR.
- Phan, T.H.D., Brouwer, R. and Davidson, M., 2014. *The economic costs of avoided deforestation in the developing world: a meta-analysis*. *Journal of forest economics*, 20(1), pp.1-16.
- Yang, H. and Li, X., 2018. Potential variation in opportunity cost estimates for REDD+ and its causes. *Forest Policy and Economics*, 95, pp.138-146.
- [WB] World Bank. 2019. *Benefit Sharing Plan of Mozambique REDD+ Emissions Reductions Program: the Zambézia Integrated Landscape Management Program (ZILMP)*. Truy cập ngày 11 tháng ba 2021. <http://pubdocs.worldbank.org/en/515331581080876918/Final-Benefit-Sharing-Plan-of-the-Zambezia-Emission-Reduction-Program.pdf>

Các báo cáo chuyên đề của CIFOR chuyển giao các kết quả nghiên cứu quan trọng đối với ngành lâm nghiệp. Nội dung của báo cáo đều được đánh giá bởi các chuyên gia trong và ngoài tổ chức.

Xây dựng cơ chế quản lý tài chính và chia sẻ lợi ích hiệu quả, hiệu ích và công bằng là yêu cầu quan trọng để các quốc gia và dự án nhận được chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải. Tuy nhiên, nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn và thách thức trong việc thiết kế và thực hiện hai cơ chế quan trọng này. Báo cáo này trình bày ngắn gọn các yêu cầu và khung quy định quốc tế mà mọi quốc gia phải tuân theo khi thiết kế cơ chế chi trả và rà soát kinh nghiệm của 54 quốc gia trên thế giới trong việc hiện thực hóa các quy định này trong bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường riêng biệt của mình. Báo cáo hi vọng sẽ cung cấp một góc nhìn toàn cảnh cũng như bài học để các quốc gia hiện đang hoàn thiện cơ chế chia sẻ lợi ích có thể tham khảo và áp dụng.



RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Chương trình nghiên cứu CGIAR về Rừng, Cây và Nông lâm kết hợp (FTA) là chương trình nghiên cứu phát triển lớn nhất trên toàn cầu nhằm nâng cao vai trò của rừng, cây, và nông lâm kết hợp trong phát triển bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. CIFOR điều phối FTA và hợp tác với ICRAF, Liên minh đa dạng sinh học quốc tế, CIAT, CATIE, CIRAD, INBAR và TBI.

Các nghiên cứu của FTA cũng nhận được sự tài trợ của Quỹ Ủy thác CGIAR: cigar.org/funders/

cifor.org

forestsnews.cifor.org



Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

CIFOR thúc đẩy sự phồn vinh của nhân loại, cải thiện bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự bình đẳng thông qua tiến hành các nghiên cứu sáng tạo, nâng cao năng lực của các bên đối tác, tích cực tham gia đối thoại với các bên liên quan để hỗ trợ định hình chính sách và thực tiễn tác động tới rừng và con người. CIFOR là tổ chức nghiên cứu thuộc liên minh CGIAR và chủ trì các chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA). Trụ sở chính của CIFOR đặt tại Bogor, Indonesia và các văn phòng của CIFOR có mặt tại Nairobi, Kenya; Yaounde, Cameroon; Lima, Peru và Bonn, Germany.

